ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I-NĂM HỌC 2026 - 2027
MÔN: GDKT&PL - KHỐI 10

PHẦN I - TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN
I. CÂU HỎI NHIỀU LỰA CHỌN
Bài 1 Các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội.

Câu 1. Hoạt động mà con người sử dụng các yếu tố sản xuất để tạo ra các sản phẩm đáp ứng nhu cầu của đời sống xã hội được gọi là
A. hoạt động tiêu dùng. **B.** hoạt động sản xuất. **C.** phân phối sản phẩm. **D.** tiêu thụ hàng hóa.

Câu 2. Các doanh nghiệp Việt Nam đang tập trung phát triển mạnh theo hình thức đại lý tiêu thụ. Bên cạnh đó, phát triển hình thức bán lẻ, bán buôn cũng được các doanh nghiệp Việt Nam tập trung phát triển trên tuyến biên giới với Lào và Campuchia. Các doanh nghiệp Việt Nam đang thực hiện hình thức
A. phân phối - trao đổi sản phẩm. **B.** phát triển sản xuất sản phẩm.
C. nâng cao chất lượng sản phẩm. **D.** tìm hiểu nhu cầu khách hàng.

Câu 3. Phân phối – trao đổi đóng vai trò như thế nào với tiêu dùng?
A. Chất xúc tác. **B.** Cầu nối, trung gian. **C.** Quyết định. **D.** Chi phối toàn bộ.

Câu 4. Các hoạt động kinh tế có mối quan hệ như thế nào với nhau?
A. Thống nhất, tác động qua lại với nhau. **B.** Mâu thuẫn, bài trừ lẫn nhau.
C. Tách rời, không liên quan tới nhau. **D.** Rời rạc, bài xích lẫn nhau.

Câu 5. Nếu quan hệ phân phối phù hợp thì
A. phân phối thúc đẩy sản xuất phát triển. **B.** phân phối kìm hãm sản xuất phát triển.
C. phân phối bài trừ sản xuất. **D.** sản xuất thúc đẩy phân phối phát triển.

Câu 6. Chủ thể nào dưới đây đang tiến hành hoạt động sản xuất?
A. Anh M mang gà ra chợ để bán. **B.** Chị P đang cấy lúa.
C. Chị Q đi chợ mua thực phẩm. **D.** K đang nấu cơm giúp bố mẹ.

Câu 7. Hoạt động đưa sản phẩm đến tay người tiêu dùng (bao gồm cả tiêu dùng cho sản xuất và tiêu dùng cho sinh hoạt) được gọi là
A. phân phối. **B.** điều tiết. **C.** trao đổi. **D.** tiêu thụ.

Câu 8. Mục đích cuối cùng của hoạt động kinh tế là tạo ra
A. sản phẩm thỏa mãn nhu cầu của con người. **B.** các sản phẩm hữu hình phục vụ con người.
C. các sản phẩm vô hình phục vụ con người. **D.** các giá trị về mặt tinh thần và vật chất.

Câu 9. Trong các hoạt động kinh tế cơ bản không bao gồm hoạt động nào sau đây?
A. Sản xuất. **B.** Phân phối – trao đổi. **C.** Tiêu dùng. **D.** Nghiên cứu.

Câu 10. Phương án nào dưới đây không là biểu hiện của tiêu dùng?
A. Đi chợ mua lương thực.
B. Đi xem phim ở rạp chiếu.
C. Đi ăn tại nhà hàng.
D. Thu hoạch chè.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi Câu 11, 12, 13:
Do sự tác động của tình hình thế giới, đặc biệt là ảnh hưởng của chuỗi cung ứng đã tác động lớn đến hoạt động của doanh nghiệp Y chuyên về sản xuất đồ gỗ xuất khẩu. Nhằm thích ứng với các khó khăn này, doanh nghiệp đã chủ động thu hẹp sản xuất, tinh giảm một số vị trí không cần thiết, đặc biệt doanh nghiệp đã chọn giải pháp thương lượng với người lao động cùng chia sẻ khó khăn với doanh nghiệp, mỗi người chỉ đi làm bán thời gian và hưởng mức lương bán thời gian, sau khi sản xuất ổn định sẽ được hưởng đầy đủ mức lương.

Câu 11. Giải pháp phân phối lại nguồn lực sản xuất sẽ góp phần mang lại điều gì đối với doanh nghiệp Y?
A. Sản xuất được nhiều sản phẩm. **B.** Người lao động có thu nhập tăng.
C. Doanh nghiệp vượt qua khó khăn. **D.** Doanh nghiệp bị phá sản, giải thể.

Câu 12. Giải pháp thương lượng với người lao động trong đó mỗi người chỉ đi làm bán thời gian là biểu hiện của việc thực hiện hoạt động nào dưới đây?
A. Phân phối. **B.** Trao đổi. **C.** Tiêu dùng. **D.** Sản xuất.

Câu 13. Doanh nghiệp Y đã thực hiện những hoạt động kinh tế nào dưới đây?
A. Sản xuất và phân phối. **B.** Sản xuất và trao đổi. **C.** Sản xuất và tiêu dùng. **D.** Trao đổi và phân phối.

Bài 2: Các chủ thể của nền kinh tế

Câu 1. Công ty Cổ phần Thực phẩm Đức Việt là một trong những công ty đầu tiên sản xuất và kinh doanh xúc xích tươi hàng đầu tại Việt Nam. Thực phẩm Đức Việt trở thành công ty con của Tập đoàn thực phẩm Daesang (Hàn Quốc). Đến nay, Thực phẩm Đức Việt luôn không ngừng nỗ lực cải tiến và nâng cao chất lượng sản phẩm. Bên cạnh các dòng sản phẩm xúc xích Đức truyền thống, công ty còn sản xuất các loại xúc xích, thịt chế biến sẵn theo hương vị Hàn Quốc được nhiều người tiêu dùng Việt Nam đặc biệt là giới trẻ ưa thích và đón nhận. Công ty Cổ phần Thực phẩm Đức Việt thể hiện đúng trách nhiệm của chủ thể nào khi tham gia hoạt động kinh tế?

A. Chủ thể sản xuất. **B.** Chủ thể trung gian. **C.** Chủ thể tiêu dùng. **D.** Chủ thể phân phối.

Câu 2. Nhận định nào sau đây không đúng khi bàn về chủ thể của nền kinh tế?

A. Nhà phân phối là người cung cấp hàng hóa cho các đại lí.

B. Nhà môi giới chứng khoán được coi là chủ thể trung gian.

C. Các thương nhân chuyên phân phối hàng hóa là chủ thể sản xuất.

D. Nhà nước là chủ thể khắc phục những bất ổn trong nền kinh tế.

Câu 3. Các cá nhân, tổ chức đảm nhiệm vai trò cầu nối giữa các chủ thể sản xuất, tiêu dùng hàng hoá, dịch vụ trên thị trường (như: các thương nhân chuyên phân phối hàng hoá, nhà môi giới chứng khoán, môi giới bất động sản, giới thiệu việc làm,...) được gọi là

A. chủ thể phân phối. **B.** chủ thể sản xuất. **C.** chủ thể kinh doanh. **D.** chủ thể trung gian.

Câu 4. Những người sản xuất, cung cấp hàng hoá, dịch vụ ra thị trường, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của xã hội được gọi là

A. chủ thể tiêu dùng. **B.** chủ thể sản xuất. **C.** chủ thể trung gian. **D.** Nhà nước.

Câu 5. Chủ thể tiêu dùng có vai trò như thế nào đối với sự phát triển của sản xuất?

A. Định hướng, tạo động lực. **B.** Kìm hãm sự phát triển.

C. Thu hút nguồn nhân lực. **D.** Chỉ đạo hướng phát triển.

Câu 6. Chị M góp 40% vốn vào cửa hàng bán hoa của chị N. Lúc này chị M tham gia vào nền kinh tế với vai trò nào sau đây?

A. Chủ thể sản xuất. **B.** Chủ thể trung gian. **C.** Chủ thể tiêu dùng. **D.** Chủ thể phân phối.

Câu 7. Chủ thể nào dưới đây đang không thực hiện hoạt động tiêu dùng?

A. Chị P mua xe máy. **B.** Anh V mời bạn bè ăn nhà hàng.

C. Chị E mang rau ra chợ bán. **D.** Bà K mua thuốc cảm cúm.

Câu 8. Mục đích cuối cùng mà chủ thể sản xuất hướng đến là

A. thu hồi vốn. **B.** lợi nhuận. **C.** tạo uy tín. **D.** thâu tóm thị trường.

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 9, 10

Những ngày đầu bắt tay vào chăn nuôi dê, do chưa nắm vững kĩ thuật nên anh H gặp rất nhiều khó khăn. Không nản chí, anh tự sưu tầm tài liệu, tìm hiểu cách phòng và điều trị các chứng bệnh trên đàn dê. Được sự hỗ trợ vốn của Ngân hàng chính sách xã hội với số vốn trên 100 triệu đồng, anh H đã mạnh dạn tái đàn. Hiện đàn dê của gia đình anh H đã phát triển gần 1000 con. Để có đầu ra cho sản phẩm anh H đã kết nối với các nhà hàng và các khu du lịch để quảng bá và giới thiệu sản phẩm nhờ đó mà thương hiệu thịt dê do anh H xây dựng ngày càng được mọi người đón nhận, qua đó góp phần mang lại thu nhập ổn định, tạo việc làm cho nhiều người dân.

Câu 9. Xét về bản chất nền kinh tế, hoạt động của anh H gắn liền với chủ thể nào dưới đây của nền kinh tế?

A. Chủ thể sản xuất. **B.** chủ thể trung gian. **C.** chủ thể nhà nước. **D.** Chủ thể tiêu dùng.

Câu 10. Để sản phẩm của mình đến được tới người tiêu dùng, anh H đã rất chú trọng khâu nào dưới đây?

A. Nâng giá sản phẩm. **B.** Tạo nguồn doanh thu.

C. Kết nối với các nhà hàng. **D.** Giải quyết vấn đề việc làm.

Bài 3: Thị trường

Câu 1. Do nhu cầu khẩu trang ngày càng cao vì dịch bệnh covid diễn biến phức tạp trong khi cung ứng không kịp đáp ứng nên giá khẩu trang trên thị trường ngày càng tăng, giao động từ 60.000 đến 100.000 đồng một hộp. Trong thông tin trên, chức năng nào của thị trường đã được thực hiện?

A. Chức năng thừa nhận. **B.** Chức năng thông tin. **C.** Chức năng điều tiết. **D.** Chức năng kích thích.

Câu 2. Thị trường ra đời, phát triển gắn liền với sự phát triển của

A. kinh tế hàng hóa. **B.** kinh tế tự cấp tự túc.

C. kinh tế bộ lạc. **D.** kinh tế thời nguyên thủy.

Câu 3. Phương án nào sau đây là một trong những yếu tố cấu thành thị trường?

A. Giá cả – giá trị. **B.** Người sản xuất. **C.** Người tiêu dùng. **D.** Nhà nước.

Câu 4. Thị trường là nơi diễn ra hoạt động trao đổi, mua bán hàng hoá là nội dung khái niệm thị trường theo nghĩa nào sau đây?

A. Nghĩa rộng. **B.** Nghĩa hẹp. **C.** Nghĩa chủ quan. **D.** Nghĩa khách quan.

Câu 5. Hành vi của chủ thể kinh tế nào dưới đây không đúng khi tham gia vào thị trường?

A. Cửa hàng thuốc lợi dụng dịch bệnh để tăng giá khẩu trang bất hợp lý.

B. Thương nhân giảm giá thịt lợn hơi do ảnh hưởng của dịch Covid 19.

C. Chủ cửa hàng bán rau tăng giá do mưa lũ làm thiệt hại nhiều hoa màu.

D. Cửa hàng xăng tăng giá do giá nhập khẩu xăng tăng cao.

Câu 6. Việt Nam đang phát triển dưới mô hình kinh tế nào sau đây?

A. Kinh tế chỉ huy.

B. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

C. Kinh tế hỗn hợp.

D. Kinh tế thị trường tự do.

Câu 7. Các yếu tố cấu thành thị trường không bao gồm

A. người mua – người bán. **B.** hàng hoá – tiền tệ. **C.** quan hệ mua – bán.

D. hàng hóa – người bán.

Câu 8. Địa điểm nào sau đây không thuộc cơ sở của thị trường?

A. Chợ. **B.** Siêu thị. **C.** Cửa hàng. **D.** Lớp học.

Câu 9. Nơi diễn ra hoạt động trao đổi, mua bán hàng hoá được gọi là

A. thị trường. **B.** doanh nghiệp. **C.** bất động sản. **D.** kinh tế.

Câu 10. Nhận định nào sau đây đúng khi bàn về vấn đề thị trường?

A. Thị trường là nơi con người sản xuất hàng hàng hóa.

B. Thị trường là nơi diễn ra hoạt động trao đổi, mua bán hàng hoá.

C. Giá cả – giá trị không thuộc những yếu tố cấu thành thị trường.

D. Chỉ người sản xuất mới tham gia vào quá trình mua bán hàng hóa.

Câu 11. Do nhu cầu hoa ngày lễ 8/3 cao nên các thương lái đã nhập hoa với số lượng lớn để bán trên thị trường. Trong trường hợp trên, chức năng nào của thị trường đã được vận dụng?

A. Chức năng thừa nhận.

B. Chức năng định hướng.

C. Chức năng điều khiển.

D. Chức năng điều tiết, kích thích hoặc hạn chế.

Câu 12. Phương án nào sau đây thuộc thị trường dịch vụ?

A. Thị trường chăm sóc sắc đẹp. **B.** Thị trường tư liệu tiêu dùng.

C. Thị trường khoa học - công nghệ. **D.** Thị trường sắt thép.

Câu 13. Do nhu cầu về hàng may mặc ngày càng tăng nên chị P đã nhân cơ hội mở rộng quy mô sản xuất hàng may mặc và đa dạng mẫu mã, nâng cao chất lượng sản phẩm. Trong trường hợp trên, chị P đã vận dụng chức năng nào của thị trường?

A. Chức năng thừa nhận. **B.** Chức năng thông tin. **C.** Chức năng điều tiết. **D.** Chức năng kích thích.

Câu 14. Theo nghĩa hẹp, thị trường là nơi diễn ra hoạt động trao đổi, mua bán

A. vật phẩm. **B.** sản phẩm nông nghiệp. **C.** hàng hoá. **D.** lương thực.

Câu 15. Thị trường ra đời từ khi nào?

A. Kinh tế tự cấp tự túc ra đời. **B.** Khi con người tạo ra công cụ lao động.

C. Khi nền kinh tế hàng hóa ra đời. **D.** Khi con người ra đời.

Bài 4: Cơ chế thị trường

Câu 1. Phương án nào sau đây không phải là nhược điểm của cơ chế thị trường?
A. Tiềm ẩn rủi ro, khủng hoảng, suy thoái.
B. Thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất và tăng trưởng kinh tế.
C. Phát sinh những thủ đoạn cạnh tranh không lành mạnh.
D. Không tự khắc phục được hiện tượng phân hoá sâu sắc trong xã hội.

Câu 2. Câu thành ngữ "quần ngư tranh thực" chỉ quy luật kinh tế nào?
A. Quy luật tiền tệ. **B.** Quy luật cạnh tranh. **C.** Quy luật cung - cầu. **D.** Quy luật giá trị.

Câu 3. Để kinh doanh thành công cần thực hiện một trong các yêu cầu nào sau đây?
A. Cung ứng sản phẩm phù hợp với nhu cầu của người tiêu dùng.
B. Chi phí sản xuất phải lớn hơn giá bán ra thị trường.
C. Cạnh tranh bằng mọi cách và thủ đoạn với đối thủ trên thị trường.
D. Tăng cường mở rộng quy mô sản xuất hàng hóa.

Câu 4. Phương án nào sau đây là một trong những nhược điểm của cơ chế thị trường?
A. Tiềm ẩn rủi ro, khủng hoảng, suy thoái.
B. Nâng cao tay nghề của người lao động.
C. Duy trì các mối quan hệ cạnh tranh lành mạnh.
D. Khắc phục được hiện tượng phân hoá sâu sắc trong xã hội.

Câu 5. Phương án nào sau đây không thuộc ưu điểm của cơ chế thị trường?
A. Kích thích tính năng động, sáng tạo của các chủ thể kinh tế.
B. Thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất và tăng trưởng kinh tế.
C. Đáp ứng tốt hơn các nhu cầu, lợi ích của các chủ thể kinh tế.
D. Nâng cao năng lực cạnh tranh của các nhà sản xuất.

Câu 6. Chọn cụm từ thích hợp để hoàn thành nội dung sau:
Cơ chế thị trường là … mang tính tự điều chỉnh tuân theo yêu cầu của các quy luật kinh tế như: quy luật cạnh tranh, cung cầu, giá cả, lợi nhuận, chi phối hoạt động của các chủ thể kinh tế, đóng vai trò như bàn tay vô hình điều tiết nền kinh tế.
A. hệ thống các quan hệ kinh tế. **B.** hệ thống mạng lưới hàng hóa.
C. hệ thống quy luật xã hội. **D.** hệ thống quan hệ sản xuất.

Câu 7. Cơ chế thị trường là hệ thống các quan hệ kinh tế mang tính tự điều chỉnh tuân theo yêu cầu của
A. người tiêu dùng. **B.** các quy luật kinh tế. **C.** người sản xuất. **D.** quan hệ cung - cầu.

Câu 8. Cơ chế thị trường có ưu điểm: Kích thích tính năng động, sáng tạo của các chủ thể kinh tế, thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất và
A. tăng trưởng kinh tế. **B.** đa dạng sinh học. **C.** phân hóa giai cấp. **D.** khai hóa văn minh.

Câu 9. Cơ chế thị trường có ưu điểm: Phân bổ lại nguồn lực kinh tế, đáp ứng tốt hơn các nhu cầu, lợi ích của
A. các chủ thể kinh tế. **B.** môi trường tự nhiên. **C.** văn minh nhân loại. **D.** cơ sở kinh doanh.

Câu 10. Phương án nào sau đây là ưu điểm của cơ chế thị trường?
A. Kích thích tính năng động, sáng tạo của các chủ thể kinh tế.
B. Mở rộng thị trường trong và ngoài nước.
C. Phân bố quy mô sản xuất hàng hóa đồng đều giữa các khu vực.
D. Nâng cao chất lượng hàng hóa trước khi đưa ra thị trường.

Câu 11. Phát biểu nào dưới đây không đúng về cơ chế thị trường?
A. Chỉ tồn tại cạnh tranh lành mạnh có lợi trong sản xuất.
B. Kích thích tính năng động, sáng tạo của các chủ thể kinh tế.
C. Thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất và tăng trưởng kinh tế.
D. Thoả mãn ngày càng tốt hơn nhu cầu của con người.

Câu 12. Cơ chế thị trường là hệ thống các quan hệ kinh tế mang tính tự điều chỉnh tuân theo

yêu cầu của các quy luật kinh tế như: quy luật cạnh tranh, cung cầu, giá cả, lợi nhuận,... chi phối hoạt động của các chủ thể kinh tế, đóng vai trò như bàn tay vô hình điều tiết

A. nền kinh tế. **B.** thị trường. **C.** quá trình sản xuất. **D.** quá trình phân phối.

Câu 13. Phương án nào dưới đây không thuộc quy luật kinh tế?

A. Quy luật tiền tệ. **B.** Quy luật cạnh tranh. **C.** Quy luật cung - cầu. **D.** Quy luật giá trị.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 14, 15

Cá Basa là một loại thuỷ sản được nhiều người tiêu dùng ưa thích. Một vài năm gần đây, do điều kiện sản xuất bất lợi, sản lượng cá giảm làm giá cá Basa trên thị trường tăng cao. Do giá tăng, nhiều người tiêu dùng có xu hướng chuyển dần sang dùng sản phẩm thuỷ sản khác để thay thế. Nhu cầu tiêu dùng cá Basa giảm sút trên thị trường trong một khoảng thời gian dài làm giảm giá sản phẩm này. Giá cả giảm, lợi nhuận thấp khiến người nuôi cá Basa cân nhắc chuyển vốn sang sản xuất sản phẩm khác. Trong khi đó, giá cả Basa giảm dần lại có thể kéo người tiêu dùng quay trở lại mua sản phẩm. Theo thời gian, tác động qua lại giữa các chủ thể kinh tế đã tự phát xác định giá cả sản phẩm cá Basa ở mỗi thời điểm trên thị trường

Câu 14. Chủ thể sản xuất trong thông tin trên là

A. người tiêu dùng. **B.** người nuôi cá. **C.** người bán cá. **D.** người mua cá.

Câu 15. Nếu xét theo vai trò của đối tượng tham gia giao dịch thì sản phẩm cá Basa thuộc thị trường nào dưới đây?

A. Tư liệu sản xuất. **B.** Hàng tiêu dùng. **C.** Hàng may mặc. **D.** Khoa học, công nghệ.

Bài 5: Ngân sách nhà nước.

Câu 1. Phương án nào sau đây là vai trò của ngân sách nhà nước?

A. Tạo lập quỹ dự trữ quốc gia để phòng chống thiên tai, dịch bệnh.

B. Việc tạo lập và sử dụng được tiến hành trên cơ sở Luật Ngân sách nhà nước.

C. Ngân sách nhà nước mang tính pháp lí cao.

D. Ngân sách nhà nước được chia thành nhiều quỹ nhỏ có tác dụng riêng.

Câu 2. Ngân sách nhà nước có vai trò như thế nào trong việc duy trì hoạt động của bộ máy nhà nước?

A. Cung cấp nguồn tài chính. **B.** Cung cấp điều kiện tốt.

C. Làm mục tiêu phát triển. **D.** Là yếu tố quyết định.

Câu 3. Ngân sách nhà nước có phần đóng góp rất lớn của người dân và được sử dụng vì lợi ích của

A. nhà cầm quyền. **B.** giai cấp công nhân.

C. quốc gia và nhân dân. **D.** giai cấp công nhân và nông dân.

Câu 4. Phương án nào sau đây là vai trò của ngân sách nhà nước?

A. Cung cấp nguồn tài chính để duy trì hoạt động của bộ máy nhà nước.

B. Cung cấp nguồn tài chính cho các doanh nghiệp.

C. Cung cấp tư liệu sản xuất chính thống cho các doanh nghiệp Nhà nước.

D. Cung cấp đầu ra đầy tiềm năng cho các chủ hộ kinh doanh.

Câu 5. Anh P là cán bộ sở nội vụ. Anh P đã có hành vi cấu kết với kế toán G rút tiền công để lấy tiền cá độ bóng đá. Trong trường hợp trên, anh P và kế toán G đã vi phạm nghĩa vụ công dân đối với ngân sách Nhà nước ở nội dung nào sau đây?

A. Sử dụng các khoản đầu tư từ ngân sách nhà nước đúng mục đích.

B. Sử dụng các khoản đầu tư từ ngân sách nhà nước tiết kiệm.

C. Nộp đầy đủ, đúng hạn các khoản thuế.

D. Nộp đầy đủ, đúng hạn các khoản phí, lệ phí.

Câu 6. Hoạt động thu, chi của ngân sách nhà nước được thực hiện theo nguyên tắc nào ?

A. Không hoàn trả trực tiếp. **B.** Hoàn trả trực tiếp.

C. Thu đúng và thu đủ. **D.** Tiết kiệm hiệu quả.

Câu 7. Mỗi người dân đều có nghĩa vụ đóng góp, đồng thời được hưởng quyền lợi từ ngân sách nhà nước thông qua

A. việc sử dụng hàng hoá, dịch vụ công cộng.

B. việc hưởng các chính sách khuyến khích từ nhà nước.

C. các chế tài mà nhà nước quy định trong Hiến pháp.

D. việc vay vốn ngân hàng để kinh doanh.

Câu 8. Ngân sách nhà nước có vai trò như thế nào đối với một quốc gia?
A. Là nguồn lực để duy trì bộ máy nhà nước.
B. Là động lực để duy trì nền kinh tế tư bản.
C. Là vấn đề thiết yếu để ổn định an sinh xã hội.
D. Là cơ sở để đảm bảo sự tồn tại của một đất nước.

Câu 9. Ngân sách nhà nước là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định do Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để bảo đảm thực hiện
A. các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước.
B. các hoạt động và tổ chức bộ máy Nhà nước.
C. vai trò và trách nhiệm của Nhà nước.
D. thẩm quyền và trách nhiệm của Nhà nước.

Câu 10. Công cụ để Nhà nước điều tiết thị trường, bình ổn giá cả, kiềm chế lạm phát là
A. ngân sách Nhà nước. **B.** ngân sách Chính phủ. **C.** ngân hàng Nhà nước. **D.** ngân hàng thương mại.

Câu 11. Nội dung nào sau đây không phải đặc điểm của ngân sách Nhà nước?
A. Hoạt động thu, chi được thực hiện theo nguyên tắc hoàn trả trực tiếp.
B. Ngân sách nhà nước mang tính pháp lí cao.
C. Hướng tới mục tiêu giải quyết các quan hệ lợi ích chung trong xã hội.
D. Ngân sách nhà nước để chi dùng cho những mục đích đã có trong kế hoạch.

Câu 12. Sau kì nghỉ lễ 30/4 - 1/5. Ông H sử dụng xe công vụ đi đám cưới họ hàng ở quê. Trong trường hợp trên, ông H đã vi phạm nghĩa vụ công dân đối với ngân sách Nhà nước ở nội dung nào sau đây?
A. Sử dụng các khoản đầu tư từ ngân sách nhà nước đúng mục đích.
B. Sử dụng các khoản đầu tư từ ngân sách nhà nước tiết kiệm.
C. Nộp đầy đủ, đúng hạn các khoản thuế.
D. Nộp đầy đủ, đúng hạn các khoản phí, lệ phí.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 13, 14
Ngày 12/11/2020, với tỉ lệ 92,53% đại biểu tham gia biểu quyết tán thành, Quốc hội đã chính thức thông qua Nghị quyết về dự toán ngân sách nhà nước năm 2021. Theo đó, Quốc hội thống nhất tổng số thu ngân sách nhà nước năm 2021 là 1.343.330 tỷ đồng, tổng số chi ngân sách nhà nước là 1.687.000 tỉ đồng. Quốc hội giao Chính phủ thực hiện một số biện pháp điều hành nhiệm vụ tài chính - ngân sách nhà nước năm 2021 nhằm ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh phục hồi tăng trưởng kinh tế, kiểm soát lạm phát.

Câu 13. Theo Nghị quyết về dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, thì tổng số thu ngân sách nhà nước năm 2021 là 1 343 330 tỷ đồng. Con số này là ngân sách
A. trung ương.
B. địa phương.
C. trung ương và địa phương.
D. trung ương và dự phòng.

Câu 14. Theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, Nghị quyết về dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 mang tính
A. tự nguyện. **B.** pháp lý. **C.** tạm thời. **D.** vĩnh cửu.

Bài 6: Thuế

Đọc đoạn thông tin dưới đây và trả lời câu hỏi 1, 2, 3
Gia đình anh D, chị H có một trang trại chăn nuôi rộng 2 héc-ta, trong đó có 500m - đất ở, diện tích còn lại là đất trồng trọt, ao thả cá. Nhờ có hiểu biết về kinh doanh, mà hoạt động kinh tế của gia đình mang lại thu nhập ổn định. Hàng năm vợ chồng anh chị đều thực hiện tốt các quy định của nhà nước về đóng thuế và quy định về sử dụng đất.

Câu 1. Với diện tích 2ha trên, gia đình anh D phải đóng loại thuế nào dưới đây?
A. Thuế giá trị gia tăng.
B. Thuế sử dụng đất nông nghiệp.
C. Thuế xuất nhập khẩu hàng hóa.
D. Thuế tiêu thụ đặc biệt.

Câu 2. Theo quy định của pháp luật, với khoản thu nhập có được từ hoạt động sản xuất kinh doanh, gia đình anh D và chị H phải nộp khoản thuế nào dưới đây?
A. Thuế giá trị gia tăng.
B. Thuế thu nhập cá nhân.
C. Thuế xuất khẩu hàng hóa.
D. Thuế tiêu thụ đặc biệt.

Câu 3. Xét về mặt bản chất của nền kinh tế, hoạt động của gia đình anh D và chị H thuộc hoạt động nào dưới đây?

A. Hoạt động sản xuất. **B.** Hoạt động phân phối. **C.** Hoạt động trao đổi. **D.** Hoạt động tiêu dùng.

Câu 4. Nguồn thu chủ yếu nhất của ngân sách nhà nước là

A. thuế. **B.** vốn đầu tư nước ngoài. **C.** lệ phí. **D.** phí.

Câu 5. Vì sao xe ô tô phải nộp thuế bảo vệ môi trường?

A. Vì xe ô tô gây ô nhiễm do khí thải tạo ra khi sử dụng xăng dầu.

B. Vì xe ô tô là phương tiện giao thông được sử dụng nhiều.

C. Vì xe ô tô là phương tiện được nhập khẩu từ nước ngoài.

D. Vì xe ô tô dễ gây ảnh hưởng xấu đến hệ thống giao thông.

Câu 6. Thuế gián thu không bao gồm loại thuế nào sau đây?

A. Thuế giá trị gia tăng. **B.** Thuế tiêu thụ đặc biệt.

C. Thuế thu nhập cá nhân. **D.** Thuế bảo vệ môi trường.

Câu 7. Những người có thu nhập cao trong doanh nghiệp phải trích một khoản tiền từ phần thu nhập để nộp vào ngân sách nhà nước là thực hiện loại thuế nào sau đây?

A. Thuế giá trị gia tăng. **B.** Thuế bảo vệ môi trường.

C. Thuế thu nhập cá nhân. **D.** Thuế xuất khẩu, nhập khẩu.

Câu 8. Loại thuế điều tiết trực tiếp vào thu nhập hoặc tài sản của người nộp thuế được gọi là

A. thuế thu nhập đặc biệt. **B.** thuế giá trị gia tăng.

C. thuế trực thu. **D.** thuế tài nguyên.

Câu 9. Do doanh nghiệp vẫn phải nhập khẩu linh kiện để lắp ráp ô tô nên phải nộp thuế nào sau đây?

A. Thuế giá trị gia tăng. **B.** Thuế bảo vệ môi trường.

C. Thuế thu nhập cá nhân. **D.** Thuế nhập khẩu.

Câu 10. Nhiều quốc gia trên thế giới áp dụng biện pháp đánh thuế suất cao đối với một số hàng hoá, dịch vụ đặc biệt, nhằm điều tiết việc sản xuất và tiêu dùng xã hội cũng như nhập khẩu hàng hóa, từ đó tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước là thực hiện loại thuế nào sau đây?

A. Thuế giá trị gia tăng. **B.** Thuế bảo vệ môi trường.

C. Thuế tiêu thụ đặc biệt. **D.** Thuế nhập khẩu.

Câu 11. Phương án nào sau đây thuộc một trong các loại thuế của nước ta?

A. Thuế thu nhập cá nhân. **B.** Thuế lao động.

C. Thuế lao động nước ngoài. **D.** Thuế bình ổn giá.

Câu 12. Phương án nào dưới đây không thuộc vai trò của thuế?

A. Kiềm chế lạm phát. **B.** Điều tiết kinh tế.

C. Kích thích đầu tư. **D.** Đẩy mạnh đầu cơ tích trữ.

Câu 13. Nhà nước thu thuế thu nhập đặc biệt nhằm mục đích nào sau đây?

A. Điều tiết việc sản xuất, tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ đặc biệt.

B. Kích thích sản xuất, tiêu dùng những mặt hàng thiết yếu.

C. Làm gián đoạn quá trình sản xuất hàng hóa đặc biệt.

D. Làm gián đoạn quá trình sử dụng dịch vụ đặc biệt.

Câu 14. Thuế điều tiết gián tiếp thông qua giá cả hàng hoá, dịch vụ được gọi là

A. thuế thu nhập đặc biệt. **B.** thuế giá trị gia tăng.

C. thuế trực thu. **D.** thuế gián thu.

Câu 15. Anh K có tổng thu nhập mỗi tháng là 20 triệu đồng, trừ các khoản miễn thuế và giảm trừ gia cảnh, anh K phải nộp thuế 150.000 đồng/ tháng. Trong trường hợp này, anh K đang thực hiện nghĩa vụ đóng loại thuế nào sau đây?

A. Thuế giá trị gia tăng. **B.** Thuế tiêu thụ đặc biệt.

C. Thuế thu nhập cá nhân. **D.** Thuế bảo vệ môi trường.

Bài 7: Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh

Câu 1. Tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất 4 hợp tác xã tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu chung của hợp tác xã thành viên, trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lí được gọi là

A. công ty hợp danh. **B.** hợp tác xã.

C. hộ sản xuất kinh doanh. **D.** liên hiệp hợp tác xã.

Câu 2. Tổ chức kinh tế có tên riêng, có tài sản, trụ sở giao dịch ổn định, được đăng kí kinh doanh theo quy định của pháp luật nhằm mục đích thực hiện các hoạt động kinh doanh được gọi là

A. doanh nghiệp. **B.** xưởng sản xuất. **C.** khu công nghiệp. **D.** đại lí phân phối.

Câu 3. Phương án nào sau đây không phải đặc điểm của thành viên hợp danh?

A. Có trình độ tương đồng phù hợp, không quá cao.

B. Cùng liên đới chịu trách nhiệm về nghĩa vụ công ty.

C. Có quyền ngang nhau trong quản lý công ty.

D. Tiến hành hoạt động kinh doanh nhân danh công ty.

Câu 4. Theo quy định của pháp luật, công dân đủ từ bao nhiêu tuổi trở lên được phép đăng ký kinh doanh?

A. 18 tuổi. **B.** 19 tuổi. **C.** 20 tuổi. **D.** 21 tuổi.

Câu 5. Phương án nào sau đây là một trong những đặc điểm của doanh nghiệp tư nhân?

A. Chỉ có một chủ sở hữu duy nhất. **B.** Có nhiều chủ sở hữu cùng lúc.

C. Phát triển dựa trên vốn đầu tư nước ngoài. **D.** Thị trường ảnh hưởng nhỏ hẹp.

Câu 6. Anh L từ vùng quê nghèo đã lên thành phố làm thuê với mong muốn thay đổi cuộc sống. Do trình độ thấp nên anh L phải làm những nghề lao động chân tay vất vả mà ở quê cũng có, bên cạnh đó anh phải sống xa nhà, tốn thêm chi phí thuê nhà trọ, ăn uống, xe cộ,... vì thế mà thu nhập cũng không được bao nhiêu. Nếu là người thân của anh L, em sẽ lựa chọn phương án nào dưới đây để khuyên anh L cho phù hợp?

A. Về quê lựa chọn mô hình kinh doanh phù hợp.

B. Về quê làm nông như cũ vì không có điều kiện.

C. Ở lại thành phố cố gắng tìm một công việc khác.

D. Vay tiền họ hàng để lập nghiệp ở thành phố.

Câu 7. Kinh doanh là việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả công đoạn của quá trình từ đầu tư, sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích nào sau đây?

A. Đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng. **B.** Thu lợi nhuận.

C. Phát triển kinh tế nhà nước. **D.** Cung ứng hàng hóa.

Câu 8. Mô hình sản xuất kinh doanh do cá nhân hoặc một nhóm người là công dân Việt Nam đủ 18 tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, hoặc một hộ gia đình làm chủ, tự tổ chức sản xuất kinh doanh theo định hướng phát triển kinh tế của nhà nước, địa phương và quy định của pháp luật, tự chủ trong quản lí và tiêu thụ sản phẩm được gọi là

A. công ty hợp danh. **B.** liên hiệp hợp tác xã.

C. hộ sản xuất kinh doanh. **D.** doanh nghiệp tư nhân.

Câu 9. Phương án nào sau đây là một trong những đặc điểm của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên?

A. Không được quyền phát hành cổ phần để huy động vốn.

B. Công ty không có tư cách pháp nhân.

C. Việc quản lý, điều hành công ty khá phức tạp.

D. Gây rủi ro lớn cho người góp vốn.

Câu 10. Có tổ chức điều hành, cơ cấu nhân sự, trụ sở giao dịch, tài sản riêng và tư cách pháp nhân (trừ loại hình doanh nghiệp tư nhân) là nói đến đặc điểm nào sau đây của doanh nghiệp?

A. Tính hợp pháp. **B.** Tính kinh doanh. **C.** Tính tổ chức. **D.** Tính cạnh tranh.

Câu 11. Công ty X chuyên sản xuất các dòng mĩ phẩm cao cấp được hình thành bằng vốn đóng góp của hơn 50 cổ đông. Hằng năm, công ty đều tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông để bầu ra Hội đồng quản trị. Trong trường hợp này, công ty X thuộc loại công ty nào sau đây?

A. Công ty cổ phần. **B.** Công ty trách nhiệm hữu hạn.

C. Công ty hợp danh. **D.** Công ty trách nhiệm một thành viên.

Câu 12. Phương án nào sau đây là một trong những đặc điểm của thành viên góp vốn?

A. Không được tham gia quản lý công ty. **B.** Không được chia lợi nhuận theo tỉ lệ.

C. Được tham gia quản lý công ty. **D.** Được nhân danh công ty liên doanh.

Đọc đoạn thông tin dưới đây và trả lời câu hỏi 13, 14, 15

Tận dụng đất đai vườn nhà, chị T đã xây dựng mô hình vườn ao chuồng với số lượng đàn lợn hơn 250 con, diện tích hồ cá lên đến 1500m2, gà vịt hơn 500 con. Ngoài ra, chị T còn đầu tư trồng hơn 400 gốc xoài diện tích hơn 1 ha; đầu tư 2 máy gặt đập liên hợp, phục vụ nhu cầu của người dân khi đến mùa gặt. Mô hình của chị còn tạo được công ăn việc làm với mức thu nhập ổn định cho 6 nhân công ở địa phương. "Những năm đầu thực hiện mô hình, gia đình tôi gặp nhiều khó khăn do thiếu vốn, chưa có kinh nghiệm, lợn nuôi bị ảnh hưởng do dịch bệnh, xoài chưa đạt chất lượng. Toàn bộ tài sản đều đầu tư vào mô hình nên có lúc phải vay từ các quỹ hỗ trợ, ngân hàng nhưng cũng gặp phải nhiều khó khăn trong quá trình vay vốn. Dần dần, nhờ học hỏi, đúc kết kinh nghiệm từ thực tế và qua các lớp tập huấn, hội thảo khuyến nông ở địa phương, gia đình tôi đã áp dụng vào sản xuất và đạt được kết quả tích cực", chị T chia sẻ. Gia đình chị T đã được chính quyền tuyên dương là hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi.

Câu 13. Xét về chủ thể của nền kinh tế, hoạt động của gia đình chị T thuộc chủ thể nào dưới đây?

A. Chủ thể sản xuất. **B.** Chủ thể tiêu dùng. **C.** Chủ thể trung gian. **D.** Chủ thể nhà nước.

Câu 14. Mô hình sản xuất kinh doanh của chị T là mô hình

A. Công ty tư nhân. **B.** Doanh nghiệp nhà nước.
C. Hộ sản xuất kinh doanh. **D.** Hợp tác xã.

Câu 15. Mô hình sản xuất kinh doanh của gia đình chị T do ai chịu trách nhiệm?

A. Gia đình chị T. **B.** Chị T. **C.** Sáu lao động làm thuê. **D.** Chị T và sáu lao động.

Bài 8: Tín dụng

Câu 1. Phương án nào sau đây không thuộc một trong những đặc điểm cơ bản của tín dụng?

A. Dựa trên sự tin tưởng. **B.** Có tính tạm thời.
C. Có tính hoàn trả cả gốc lẫn lãi. **D.** Dựa trên văn bản pháp lí.

Câu 2. Tín dụng có vai trò như thế nào đối với đời sống xã hội?

A. Thúc đẩy tăng trưởng của toàn bộ ngành kinh tế.
B. Góp phần tăng lượng vốn đầu tư và hiệu quả đầu tư.
C. Cung cấp toàn bộ vốn vào các ngành kinh tế trọng điểm.
D. Nâng cao hiệu quả đầu tư thông qua việc cho vay không lãi.

Câu 3. Ngân hàng là nơi tập trung những khoản vốn lớn thông qua nhận các khoản tiền tạm thời nhàn rỗi của

A. các cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức. **B.** một số cá nhân có tầm ảnh hưởng.
C. các doanh nghiệp phát triển. **D.** các tổ chức phi chính phủ.

Câu 4. Phương án nào sau đây là nghĩa vụ của chủ thể sử dụng nguồn vốn nhàn rỗi?

A. Hoàn trả có kì hạn cả vốn gốc và lãi. **B.** Cấp tín dụng không có bảo đảm.
C. Làm giả chứng từ thanh toán. **D.** Cấp tín dụng vượt giới hạn so với vốn tự có.

Câu 5. Người cho vay chỉ cấp tín dụng khi có lòng tin vào việc người vay sử dụng vốn vay đúng mục đích, hiệu quả và có khả năng

A. hoàn trả đúng hạn. **B.** tạm thời trả tiền. **C.** ít hoàn trả lại. **D.** đưa lãi tùy ý.

Câu 6. Người cho vay chỉ cấp tín dụng khi có lòng tin vào việc người vay sử dụng vốn vay đúng mục đích, hiệu quả và có khả năng hoàn trả nợ đúng hạn là nói đến đặc điểm nào sau đây của tín dụng?

A. Dựa trên sự tin tưởng. **B.** Có tính tạm thời.
C. Có tính hoàn trả cả gốc lẫn lãi. **D.** Có tính thời hạn.

Câu 7. Hành vi nào dưới đây nhận thức đúng về đặc điểm tín dụng?

A. Anh P vay tiền chị M để đánh bạc nên chị M đã từ chối không cho vay.
B. Bà Q cho ông Y vay tiền mà không hỏi về mục đích sử dụng của ông Y.
C. Ông T cho anh K vay tiền, anh K đã chiếm đoạt số tiền và bỏ trốn.
D. Anh H đã dựa vào bạn bè vay tín dụng đen vì nhanh chóng, thủ tục đơn giản.

Câu 8. Phương án nào sau đây là chính sách của Ngân hàng nhà nước đối với học sinh, sinh viên?

A. Hỗ trợ vay vốn đi học với lãi suất thấp.
B. Hỗ trợ vay vốn đi học với lãi suất cao.
C. Hỗ trợ vay vốn đi làm với thời hạn ngắn.

D. Hỗ trợ vay vốn đi làm với thời hạn ngắn, lãi thấp.

Câu 9. Ngân hàng Y cho ông P vay 30 tỉ đồng để thành lập công ty sau khi xem xét năng lực tài chính của ông là 2 sổ hồng nhà riêng và 3 giấy phép sở hữu xe ô tô. Ngân hàng đã thể hiện đúng đặc điểm nào dưới đây của tín dụng?

A. Có tính hoàn trả cả gốc lẫn lãi. **B.** Có tính tạm thời.
C. Dựa trên sự tin tưởng. **D.** Có tính ổn định cao.

Câu 10. Nhận định nào dưới đây không đúng khi bàn về đặc điểm của tín dụng?

A. Tín dụng dựa trên sự chuyển giao tài sản cho bên vay trong mọi điều kiện.
B. Tín dụng dựa trên nguyên tắc không chỉ hoàn trả lãi, mà còn trả cả vốn.
C. Tín dụng dựa trên cơ sở lòng tin giữa người đi vay và người cho vay.
D. Tín dụng dựa trên sự chuyển nhượng tài sản có thời hạn, có tính hoàn trả.

Câu 11. Tín dụng là khái niệm thể hiện quan hệ kinh tế giữa chủ thể sở hữu (người cho vay) và chủ thể sử dụng nguồn vốn nhàn rỗi (người vay), theo nguyên tắc

A. hoàn trả sau thời gian hứa hẹn. **B.** hoàn trả có kì hạn cả vốn gốc và lãi.
C. hoàn trả gốc có kì hạn theo thỏa thuận. **D.** bồi thường theo quy định của pháp luật.

Câu 12. Cơ sở nào sau đây tập trung những khoản vốn lớn thông qua nhận các khoản tiền tạm thời nhàn rỗi của các cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức trong xã hội rồi cung cấp vốn cho những người muốn vay để phát triển sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng và đòi hỏi người vay phải sử dụng hiệu quả vốn vay?

A. Ngân hàng. **B.** Cơ sở vay nặng lãi. **C.** Doanh nghiệp. **D.** Chi cục thuế.

Câu 13. Việc cho vay chỉ là nhường quyền sử dụng tạm thời một lượng vốn trong một thời hạn nhất định là nói đến đặc điểm nào sau đây của tín dụng?

A. Dựa trên sự tin tưởng. **B.** Có tính tạm thời.
C. Có tính hoàn trả cả gốc lẫn lãi. **D.** Có tính thời hạn.

Đọc đoạn thông tin dưới đây và trả lời câu hỏi 14, 15

Ông D có nhu cầu vay tiền ngân hàng để mua nhà ở. Với khả năng tài chính hiện tại, ông chỉ trả được 40% trị giá ngôi nhà. Ông dự định đến ngân hàng để vay 60% số tiền còn lại. Khi xem xét hồ sơ của ông, ngân hàng quyết định cho ông vay 60% số tiền còn lại trong thời hạn 10 năm với lãi suất 8,2% năm. Đổi lại, ông phải thế chấp sổ đỏ của ngôi nhà. Trong vòng 10 năm, ông D phải cam kết hoàn trả số tiền lãi và vốn đúng tiến độ thì mới nhận lại sổ đỏ.

Câu 14. Trong thông tin trên, mục đích của việc sử dụng dịch vụ tín dụng của ông D là để

A. phục vụ sản xuất. **B.** mua bất động sản. **C.** vay tiêu dùng. **D.** vay chứng khoán.

Câu 15. Ngân hàng đóng vai trò gì trong mối quan hệ vay mượn tiền để mua nhà của ông D?

A. Bên cho vay. **B.** Bên hỗ trợ. **C.** Bên được vay. **D.** Bên môi giới.

Bài 9: Dịch vụ tín dụng

Câu 1. Phương án nào dưới đây thể hiện sự khác nhau giữa thanh toán một lần và mua trả góp?

A. Người mua phải trả thêm tiền lãi cho trả góp.
B. Đều thanh toán bằng tiền mặt.
C. Thanh toán bằng nhiều hình thức.
D. Thanh toán không gia hạn thời gian với trả góp.

Câu 2. Khi vay tín chấp, người vay cần thực hiện nhiệm vụ nào sau đây?

A. Cung cấp trung thực, chính xác các thông tin cá nhân.
B. Trả ít nhất 50% vốn vay và lãi theo đúng hạn.
C. Có thể mượn thông tin của người khác để vay.
D. Có thể có hoặc không cần thiết giấy tờ vay.

Câu 3. Phương án nào sau đây là đặc điểm của tín dụng tiêu dùng?

A. Lượng tiền cho vay thường nhỏ, lãi suất thường cao.
B. Tùy vào người vay có mục đích vay khác nhau.
C. Người cho vay là các cá nhân, hộ gia đình.
D. Người vay là ngân hàng, công ty tài chính.

Câu 4. Trường hợp nào sau đây đã sử dụng dịch vụ tín dụng ngân hàng?

A. Ông N thế chấp ô tô và giấy chứng nhận sử dụng đất để vay tiền sửa nhà.

B. Anh G kêu gọi vốn đầu tư để xây dựng công ty cổ phần.
C. Chị K thất nghiệp và vay tiền từ công ty tài chính.
D. Công ty P mua vật liệu từ công ty G theo hình thức mua bán chịu hàng hóa.

Câu 5. Quan hệ kinh tế giữa người cho vay là các tổ chức tín dụng và người vay là người tiêu dùng nhằm tạo điều kiện thoả mãn nhu cầu tiêu dùng (mua sắm hàng hoá) gọi là
A. tín dụng tiêu dùng. **B.** tín dụng thương mại. **C.** tín dụng ngân hàng. **D.** tín dụng Nhà nước.

Câu 6. Tín dụng ngân hàng là việc ngân hàng chấp nhận để khách hàng sử dụng một lượng tiền vốn trong một thời gian nhất định trên cơ sở lòng tin khách hàng có khả năng
A. chi trả một nửa gốc và lại khi đến hạn. **B.** chi trả 50% lãi khi đến hạn.
C. hoàn trả toàn bộ tiền gốc. **D.** hoàn trả gốc và lãi khi đến hạn.

Câu 7. Khi vay thế chấp, người vay cần có trách nhiệm nào sau đây?
A. Cung cấp trung thực, chính xác giấy tờ hợp pháp về tài sản.
B. Trả vốn vay và lãi tùy ý, không gia hạn thời gian.
C. Có thể mượn thông tin của người khác để vay tài sản.
D. Có thể có hoặc không cần thiết giấy tờ liên quan về tài sản.

Câu 8. Cho vay tín chấp là hình thức cho vay dựa vào
A. uy tín của người vay, nhưng cần tài sản bảo đảm.
B. uy tín của người cho vay, không cần tài sản bảo đảm.
C. uy tín của người vay, không cần tài sản bảo đảm.
D. uy tín của người cho vay, cần tài sản bảo đảm.

Câu 9. Phương án nào sau đây không phải là đặc điểm của tín dụng tiêu dùng?
A. Nguồn trả nợ là thu nhập của người cho vay. **B.** Mục đích vay để tiêu dùng.
C. Lượng tiền cho vay thường nhỏ. **D.** Lãi suất thường cao.

Câu 10. Phương án nào dưới đây không phải hình thức của tín dụng tiêu dùng?
A. Bảo lãnh tín dụng. **B.** Bán chịu trả góp. **C.** Sử dụng thẻ tín dụng. **D.** Cho vay trả góp.

Câu 11. Ông L là chủ trang trại nuôi cá nước ngọt.Công ty P thường xuyên bán chịu cá giống nước ngọt cho hộ kinh doanh của ông L. Đúng thỏa thuận ông L sẽ hoàn trả lại số tiền lãi và tiền vốn ban đầu cho công ty P. Trong trường hợp này, ông L đã sử dụng dịch vụ tín dụng nào dưới đây?
A. Tín dụng thương mại. **B.** Tín dụng ngân hàng. **C.** Tín dụng tiêu dùng. **D.** Tín dụng Nhà nước.

Đọc thông tin dưới đây và trả lời câu hỏi 12, 13, 14
Ông H cầm cố tài sản tại Ngân hàng X. Đến hạn trả nợ, ông không thực hiện được nghĩa vụ hoàn trả số tiền vay. Trong hợp đồng cam kết không có thoả thuận về cách xử lý tài sản cầm cố. Ông H cho rằng tài sản cầm cố đó vẫn thuộc về mình nên đã đem bán.

Câu 12. Vì ông H không thực hiện đúng thỏa thuận trả nợ và có tính đem bán tài sản đã thế chấp nên Ngân hàng X có quyền
A. xử lý tài sản cầm cố. **B.** khởi kiện ra tòa án.
C. xóa nợ cho ông H. **D.** thuê xã hội đen đòi nợ.

Câu 13. Hình thức tín dụng nào được đề cập trong thông tin trên?
A. Vay thế chấp. **B.** Vay trả góp. **C.** Vay tín chấp. **D.** Vay thấu chi.

Câu 14. Ông H đã thực hiện không đúng nội dung nào dưới đây trong hợp đồng với ngân hàng?
A. Quyền. **B.** Nghĩa vụ. **C.** Trách nhiệm pháp lý. **D.** Trách nhiệm góp vốn.

II. Câu hỏi đúng sai : Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, HS chọn đúng hoặc sai:

Câu 1. Đọc đoạn thông tin sau
Công nghệ sản xuất sản phẩm âm nhạc là một quy trình khép kín, bao gồm nhiều công đoạn được gắn kết với nhau. Thông qua các nền tảng số, hạ tầng số, những sản phẩm âm nhạc có giá trị nghệ thuật và tính nhân văn cao sẽ đến với công chúng, đi sâu vào đời sống tinh thần của nhân dân và đóng góp tích cực cho việc thưởng thức âm nhạc của công chúng, cũng như góp phần định hướng dư luận. Những sản phẩm âm nhạc đó giúp con người sống tốt hơn, nhân văn hơn và đóng góp cho xã hội nhiều hơn.
a) Hoạt động sản xuất âm nhạc là biểu hiện của hoạt động sản xuất.

b) Những tác phẩm có giá trị nghệ thuật và nhân văn chính là thể hiện trách nhiệm xã hội của chủ thể kinh tế.

c) Hoạt động thưởng thức âm nhạc của công chính không phản ánh hoạt động tiêu dùng.

d) Quá trình truyền tải các sản phẩm âm nhạc của nhà sản xuất thông qua các nền tảng số và hạ tầng số để đưa sản phẩm đến tay công chúng là biểu hiện của hoạt động phân phối.

Câu 2. Đọc đoạn thông tin sau

Chủ Doanh nghiệp X sản xuất kinh doanh nông sản. Nắm bắt được xu hướng sử dụng sản phẩm nông sản hữu cơ của người tiêu dùng. Với sự hỗ trợ lãi suất từ chương trình mục tiêu quốc gia mỗi xã một sản phẩm OCOP, Doanh nghiệp X đã chuyển hướng kinh doanh và không ngừng ứng dụng khoa học kỹ thuật để mở rộng sản xuất. Bên cạnh đó, doanh nghiệp rất chú trọng xây dựng chuỗi cung ứng sản phẩm thông qua các điểm bán và giới thiệu sản phẩm từ trên không gian mạng đến các điểm bán hàng bình ổn trong siêu thị. Nhờ đó hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đã mang lại kết quả tích cực.

a) Doanh nghiệp X vừa là chủ thể sản xuất vừa là chủ thể trung gian trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh.

b) Vai trò của chủ thể nhà nước thể hiện trong việc hỗ trợ bao tiêu hàng hóa cho doanh nghiệp.

c) Xây dựng chuỗi cung ứng sản phẩm là một hình thức hoạt động của chủ thể trung gian trong sản xuất kinh doanh.

d) Sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm nông sản hữu cơ là thể hiện trách nhiệm xã hội của công dân.

Câu 3. Đọc đoạn thông tin sau

Nhận thấy nhu cầu của người tiêu dùng về sản phẩm dầu gội tự nhiên mà trên thị trường chưa có, Công ty hoá mỹ phẩm A vừa đưa ra thị trường loại sản phẩm dầu gội bồ kết sả chanh. Sản phẩm được người tiêu dùng đón nhận và đánh giá cao. Vì thế, công ti mở rộng thêm quy mô sản xuất và nghiên cứu đưa ra các sản phẩm mới như: bồ kết hà thủ ô, bồ kết hương nhu, bồ kết hương bưởi,… để phát triển kinh doanh

a) Công ty hóa mỹ phẩm A là doanh nghiệp hoạt động với tư cách là chủ thể trung gian.

b) Công ty đã vận dụng tốt chức năng của thông tin của thị trường.

c) Công ty đã vận dụng tốt chức năng điều tiết sản xuất kinh doanh.

d) Sản phẩm được người tiêu dùng đón nhận và đánh giá cao là thể hiện chức năng thừa nhận của thị trường.

Câu 4. Đọc đoạn thông tin sau

Trong những năm qua, cơ cấu sản xuất một số loại nông sản xuất khẩu chủ lực của Việt Nam thường xuyên biến động, mà nguyên nhân chính là do biến động giá cả. Sự tăng giá hồ tiêu giai đoạn 2010 - 2015 khiến nhiều hộ nông dân các tỉnh Bình Dương, Bình Phước, Đăk Lăk phá bỏ vườn cà phê, vườn điều để chuyển sang trồng hồ tiêu. Tuy nhiên, do sự cạnh tranh từ các nước khác có cùng thế mạnh trồng hồ tiêu làm thị trường xuất khẩu của Việt Nam bị thu hẹp, giá hồ tiêu giảm mạnh từ năm 2017 đến năm 2019. Nhiều hộ trồng hồ tiêu lại chuyển sang trồng các loại cây ăn quả xuất khẩu tốt, hiện có giá cao như chuối, mít, sầu riêng, bưởi,

a) Giá cả nông sản của Việt Nam chịu tác động rất lớn từ thị trường thế giới.

b) Người nông dân liên tục chuyển đổi mô hình sản xuất là phù hợp với quy luật của giá cả thị trường.

c) Cơ quan nhà nước cần dự báo và đưa ra khuyến cáo kịp thời tránh người dân ồ ạt chuyển đổi cây trồng.

d) Việc thay đổi liên tục cơ cấu cây trồng sẽ dẫn đến lãng phí nguồn lực sản xuất.

Câu 5. Đọc đoạn thông tin sau

Thực hiện Nghị quyết số 76/2014/QH13 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020, tỉnh A đã thực hiện các chính sách giảm nghèo như: chính sách khám chữa bệnh cho người nghèo, chính sách nâng mức hỗ trợ bảo hiểm y tế cho hộ cận nghèo, chính sách hỗ trợ học sinh nghèo về giáo dục - đào tạo, chính sách cho vay vốn tín dụng ưu đãi,… góp phần giải quyết việc làm cho người lao động, từng bước cải thiện và nâng cao điều kiện sống của người nghèo, người có thu nhập thấp.

a) Ngân sách nhà nước đã thể hiện vai trò là công cụ để nhà nước định hướng phát triển các vùng kinh tế.

b) Việc ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện chính sách khám chữa bệnh, hỗ trợ bảo hiểm là thực hiện vai trò điều tiết thu nhập.

c) Việc hiện các chính sách giảm nghèo, chính sách khám chữa bệnh cho người nghèo, là biểu hiện của nguyên tắc hoàn trả trực tiếp từ việc thu ngân sách.

d) Theo Nghị quyết số 76/2014/QH13 của Quốc hội thì mọi công dân đều được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững.

Câu 6. Đọc đoạn thông tin sau

Doanh nghiệp A và B được cấp giấy phép khai thác khoáng sản. Hai doanh nghiệp này không chỉ khai thác và cung cấp cho các đơn vị trong nước mà còn tiến hành xuất khẩu khoáng sản thô sang một số nước. Trong quá trình hoạt động, doanh nghiệp luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường cũng như kê khai thuế với cơ quan chức năng. Trong năm 2023, nhờ nguồn vốn hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa của nhà nước, công ty đã mạnh dạn vay vốn để mở rộng sản xuất và thị trường tiêu thụ. Nhờ đó vị trí của công ty ngày càng được nâng cao.

a) Doanh nghiệp A và B phải nộp phí bảo vệ môi trường.

b) Vì có hoạt động xuất khẩu nên doanh nghiệp phải nộp thuế xuất khẩu.

c) Theo phạm vi quan hệ giao dịch, thị trường của doanh nghiệp A và B cả trong nước và quốc tế.

d) Nguồn vốn hỗ trợ từ nhà nước được lấy từ nguồn ngân sách nhà nước.

Câu 7. Đọc đoạn thông tin sau

Công ty bánh kẹo DH do anh A làm chủ và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tải sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp. Là một doanh nghiệp đi đầu trong lĩnh vực sản xuất bánh kẹo. Với hệ thống dây chuyền máy móc, nhà xưởng cùng công nghệ hiện đại, lao động có tay nghề cao đã tạo ra nhiều sản phẩm có chất lượng, được nhiều người tiêu dùng yêu thích như bánh mì, bánh bông lan, bánh trung thu, kẹo sữa... Công ty còn là nguồn cung ứng nguyên vật liệu uy tín cho các đơn vị cùng ngành và tạo ra việc làm ổn định cho một lượng lớn người lao động, đóng góp cho sự tăng trưởng kinh tế địa phương?

a) Công ty bánh kẹo DH là mô hình doanh nghiệp tư nhân.

b) Tạo việc làm và đóng góp cho sự phát triển của địa phương là thể hiện vai trò của hoạt động sản xuất kinh doanh.

c) Công ty DH vừa là chủ thể sản xuất vừa là chủ thể trung gian trong nền kinh tế.

d) Để mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh công ty có thể phát hành trái phiếu doanh nghiệp để huy động vốn.

Câu 8. Đọc đoạn thông tin sau

Từ nhiều năm nay, chính sách trợ vốn ngân hàng của Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên đã giúp nhiều em có hoàn cảnh khó khăn thực hiện được ước mơ đến với giảng đường đại học. Nhờ được vay ưu đãi, các em có kinh phí để hoàn thành khóa học, có thêm cơ hội, tìm được việc làm và phát triển bản thân, có thu nhập để thực hiện nghĩa vụ hoàn trả vốn vay cho ngân hàng.

a) Nhiều sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được tiếp tục học tập là thể hiện vai trò của tín dụng.

b) Vì đây là nguồn vốn chính phủ, nên các sinh viên không phải hoàn trả lại số tiền gốc và lãi cho ngân hàng.

c) Việc sinh viên được tiếp cận nguồn vốn vay của chính phủ là thể hiện vai trò của ngân sách nhà nước.

d) Quan hệ giữa ngân hàng với sinh viên vay vốn không phải là quan hệ tín dụng mà là sự hỗ trợ chi phí học tập.

Câu 9. Đọc đoạn thông tin sau

Gia đình bạn X dự định mua nhà mới nhưng còn thiếu 200 triệu đồng. Bố của X đã mang căn cước công dân, sổ hộ khẩu, giấy xác nhận lương hằng tháng đến ngân hàng để vay tiền số tiền trên. Nhân viên ngân hàng cho biết bố của X là công chức nhà nước, có thu nhập ổn định nên có thể vay không cần đảm bảo trong thời hạn 1 năm.

a) Bố bạn X đã sử dụng dịch vụ tín dụng là vay tín chấp.

b) Mục đích vay để mua nhà nước nên đây là biểu hiện của tín dụng tiêu dùng.

c) Trong trường hợp ngân hàng không giải ngân cho gia đình bạn X vay, bố bạn X có thể liên hệ.với các dịch vụ cho vay trả góp của các công ty tài chính là phù hợp.

d) Sau khi mua nhà, bố bạn X có thể sử dụng ngay giấy chứng nhận sở hữu ngôi nhà đã mua để chuyển sang hình thức vay thế chấp số tiền lớn hơn.

PHẦN II - TỰ LUẬN

Câu 1. Hoạt động sản xuất là gì? Phân tích vai trò của hoạt động sản xuất đối với đời sống cá nhân và xã hội.

Câu 2. Khái niệm chủ thể tiêu dùng. Là một người tiêu dùng thông minh và có trách nhiệm, em hãy nêu những điều cần chú ý khi sử dụng hàng hóa và dịch vụ cho tiêu dùng cá nhân và gia đình.

Câu 3. Khái niệm thị trường. Phân tích các chức năng cơ bản của thị trường. Cho ví dụ minh họa.
Câu 4. Cơ chế thị trường là gì? Cho ví dụ từ đó làm rõ ưu điểm và nhược điểm của cơ chế thị trường.
Câu 5. Khái niệm giá cả thị trường. Trình bày các chức năng cơ bản của giá cả thị trường.
Câu 6. Khái niệm ngân sách nhà nước. Phân tích vai trò của ngân sách nhà nước.
Câu 7. Thuế là gì? Thuế có vai trò như thế nào trong đời sống kinh tế - xã hội.
Câu 8. Sản xuất kinh doanh là gì? Trình bày đặc điểm của mô hình kinh tế hộ gia đình.
Câu 9. Đặc điểm của mô hình doanh nghiệp.
Câu 10. Khái niệm tín dụng. Vai trò của tín dụng trong đời sống kinh tế - xã hội.
Câu 11. Tín dụng ngân hàng là gì? Các hình thức của dịch vụ tín dụng ngân hàng?
Câu 12. Khái niệm tín dụng nhà nước. Đặc điểm của tín dụng nhà nước?

--HẾT--

ĐÁP ÁN VÀ LỜI GIẢI THAM KHẢO

Bài 1. Các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội

Bảng đáp án

Câu	ĐA	Câu	ĐA	Câu	ĐA	Câu	ĐA
1	**B**	5	**A**	9	**D**	13	**A**
2	**A**	6	**B**	10	**D**		
3	**B**	7	**C**	11	**C**		
4	**A**	8	**A**	12	**A**		

Giải chi tiết

Câu 1. Đáp án B. Hoạt động sản xuất là quá trình con người sử dụng các yếu tố sản xuất để tạo ra sản phẩm, hàng hóa hoặc dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu của đời sống xã hội.
Câu 2. Đáp án A. Đại lí, bán lẻ và bán buôn đều thuộc khâu đưa hàng hóa từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng, tức hoạt động phân phối – trao đổi.
Câu 3. Đáp án B. Phân phối – trao đổi là cầu nối, trung gian giữa sản xuất và tiêu dùng, giúp sản phẩm đến được với người có nhu cầu.
Câu 4. Đáp án A. Sản xuất, phân phối – trao đổi và tiêu dùng không tách rời nhau mà thống nhất, tác động qua lại và thúc đẩy lẫn nhau.
Câu 5. Đáp án A. Khi quan hệ phân phối phù hợp, nguồn lực và kết quả sản xuất được phân bổ hợp lí, từ đó tạo động lực cho sản xuất phát triển.
Câu 6. Đáp án B. Cấy lúa là hoạt động trực tiếp tạo ra sản phẩm nông nghiệp nên thuộc hoạt động sản xuất.
Câu 7. Đáp án C. Trao đổi là khâu đưa sản phẩm đến tay người tiêu dùng, bao gồm cả tiêu dùng cho sản xuất và tiêu dùng cho sinh hoạt.
Câu 8. Đáp án A. Mục đích cuối cùng của hoạt động kinh tế là tạo ra sản phẩm đáp ứng, thỏa mãn nhu cầu của con người.
Câu 9. Đáp án D. Các hoạt động kinh tế cơ bản gồm sản xuất, phân phối – trao đổi và tiêu dùng; nghiên cứu không được xếp thành một hoạt động kinh tế cơ bản trong bài học này.
Câu 10. Đáp án D. Thu hoạch chè là một khâu của quá trình sản xuất, không phải biểu hiện của tiêu dùng.
Câu 11. Đáp án C. Việc thu hẹp sản xuất, tinh giản vị trí và bố trí lại nguồn lực giúp doanh nghiệp giảm chi phí, thích ứng khó khăn và tăng khả năng vượt qua khủng hoảng.
Câu 12. Đáp án A. Thỏa thuận làm bán thời gian và hưởng mức lương tương ứng là cách phân phối lại thời gian lao động và thu nhập trong doanh nghiệp.
Câu 13. Đáp án A. Doanh nghiệp Y vừa sản xuất đồ gỗ, vừa phân phối lại nguồn lực lao động và thu nhập để thích ứng với khó khăn, nên thể hiện sản xuất và phân phối.

Bài 2. Các chủ thể của nền kinh tế

Bảng đáp án

Câu	ĐA	Câu	ĐA	Câu	ĐA	Câu	ĐA
1	**A**	4	**B**	7	**C**	10	**C**
2	**C**	5	**A**	8	**B**		
3	**D**	6	**A**	9	**A**		

Giải chi tiết

Câu 1. Đáp án A. Công ty Đức Việt trực tiếp sản xuất, kinh doanh và cải tiến sản phẩm để đáp ứng nhu cầu thị trường nên là chủ thể sản xuất.

Câu 2. Đáp án C. Thương nhân chuyên phân phối hàng hóa đóng vai trò kết nối người sản xuất với người tiêu dùng nên là chủ thể trung gian, không phải chủ thể sản xuất.

Câu 3. Đáp án D. Các cá nhân, tổ chức làm cầu nối giữa chủ thể sản xuất và chủ thể tiêu dùng được gọi là chủ thể trung gian.

Câu 4. Đáp án B. Người trực tiếp sản xuất, cung cấp hàng hóa và dịch vụ ra thị trường là chủ thể sản xuất.

Câu 5. Đáp án A. Nhu cầu và sự lựa chọn của người tiêu dùng định hướng sản xuất, đồng thời tạo động lực để nhà sản xuất cải tiến hàng hóa và dịch vụ.

Câu 6. Đáp án A. Góp vốn vào cửa hàng để cùng tham gia hoạt động kinh doanh là tham gia với tư cách chủ thể sản xuất/kinh doanh.

Câu 7. Đáp án C. Mang rau ra chợ bán là hoạt động trao đổi hàng hóa, không phải hoạt động tiêu dùng.

Câu 8. Đáp án B. Mục tiêu cuối cùng của hoạt động sản xuất, kinh doanh là thu lợi nhuận trên cơ sở đáp ứng nhu cầu thị trường.

Câu 9. Đáp án A. Anh H tổ chức chăn nuôi dê, tạo sản phẩm, việc làm và thu nhập nên hoạt động gắn với chủ thể sản xuất.

Câu 10. Đáp án C. Kết nối với nhà hàng và khu du lịch giúp sản phẩm tiếp cận người mua, giải quyết đầu ra và đưa hàng hóa đến người tiêu dùng.

Bài 3. Thị trường

Bảng đáp án

Câu	ĐA	Câu	ĐA	Câu	ĐA	Câu	ĐA
1	**B**	5	**A**	9	**A**	13	**C**
2	**A**	6	**B**	10	**B**	14	**C**
3	**A**	7	**D**	11	**D**	17	**C**
4	**B**	8	**D**	12	**A**		

Giải chi tiết

Câu 1. Đáp án B. Giá khẩu trang tăng khi cầu tăng và cung chưa đáp ứng kịp phản ánh thông tin về quan hệ cung – cầu và mức độ khan hiếm trên thị trường.

Câu 2. Đáp án A. Thị trường ra đời và phát triển cùng với kinh tế hàng hóa, khi sản phẩm được đem trao đổi, mua bán.

Câu 3. Đáp án A. Giá cả – giá trị là một trong các yếu tố cấu thành thị trường theo nội dung của bài học.

Câu 4. Đáp án B. Theo nghĩa hẹp, thị trường được hiểu là nơi diễn ra hoạt động trao đổi, mua bán hàng hóa.

Câu 5. Đáp án A. Lợi dụng dịch bệnh để tăng giá khẩu trang bất hợp lí là hành vi không đúng, làm méo mó quan hệ thị trường và xâm hại lợi ích người tiêu dùng.

Câu 6. Đáp án B. Việt Nam phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Câu 7. Đáp án D. "Hàng hóa – người bán" không phải một cặp yếu tố cấu thành thị trường theo cách phân loại của bài học; các yếu tố chuẩn gồm người mua – người bán, hàng hóa – tiền tệ, quan hệ mua – bán, giá cả – giá trị.

Câu 8. Đáp án D. Lớp học không phải địa điểm điển hình diễn ra hoạt động mua bán hàng hóa như chợ, siêu thị hay cửa hàng.

Câu 9. Đáp án A. Nơi diễn ra hoạt động trao đổi, mua bán hàng hóa được gọi là thị trường.

Câu 10. Đáp án B. Đây là cách diễn đạt đúng với khái niệm thị trường theo nghĩa hẹp.

Câu 11. Đáp án D. Nhu cầu hoa tăng khiến thương lái nhập nhiều hàng hơn, thể hiện chức năng điều tiết, kích thích hoặc hạn chế sản xuất và lưu thông của thị trường.

Câu 12. Đáp án A. Chăm sóc sắc đẹp là một loại dịch vụ, vì vậy thuộc thị trường dịch vụ.

Câu 13. Đáp án C. Nhu cầu hàng may mặc tăng khiến chị P mở rộng quy mô sản xuất; trọng tâm là chức năng điều tiết sản xuất của thị trường.

Ghi chú theo đề: Câu có cả dấu hiệu "điều tiết" và "kích thích"; đề yêu cầu chọn một phương án nên chọn C vì chi tiết chính là mở rộng quy mô sản xuất.

Câu 14. Đáp án C. Theo nghĩa hẹp, thị trường là nơi diễn ra trao đổi, mua bán hàng hóa.

Câu 17. Đáp án C. Thị trường xuất hiện khi kinh tế hàng hóa ra đời, tức khi sản phẩm được sản xuất để trao đổi, mua bán.

Ghi chú theo đề: Đề gốc đánh số từ Câu 14 chuyển sang Câu 17; lời giải giữ nguyên số câu của đề.

Bài 4. Cơ chế thị trường

Bảng đáp án

Câu	ĐA	Câu	ĐA	Câu	ĐA	Câu	ĐA
1	**B**	5	**D**	9	**A**	13	**A**
2	**B**	6	**A**	10	**A**	14	**B**
3	**A**	7	**B**	11	**A**	15	**B**
4	**A**	8	**A**	12	**A**		

Giải chi tiết

Câu 1. Đáp án B. Thúc đẩy lực lượng sản xuất và tăng trưởng kinh tế là ưu điểm của cơ chế thị trường, không phải nhược điểm.

Câu 2. Đáp án B. "Quần ngư tranh thực" diễn tả nhiều chủ thể cùng tranh giành lợi ích, phù hợp với quy luật cạnh tranh.

Câu 3. Đáp án A. Kinh doanh muốn thành công phải cung ứng sản phẩm phù hợp nhu cầu người tiêu dùng; các phương án còn lại hoặc sai nguyên tắc kinh doanh, hoặc không phải điều kiện tất yếu.

Câu 4. Đáp án A. Cơ chế thị trường có thể dẫn tới rủi ro, khủng hoảng và suy thoái, đây là một nhược điểm cơ bản.

Câu 5. Đáp án D. Các ưu điểm được nhấn mạnh trong bài gồm kích thích năng động, thúc đẩy tăng trưởng và phân bổ nguồn lực; "nâng cao năng lực cạnh tranh" không phải ý được nêu trực tiếp trong nhóm này.

Câu 6. Đáp án A. Cơ chế thị trường là hệ thống các quan hệ kinh tế tự điều chỉnh theo các quy luật kinh tế và chi phối hoạt động của các chủ thể.

Câu 7. Đáp án B. Cơ chế thị trường vận hành theo yêu cầu của các quy luật kinh tế như cạnh tranh, cung – cầu, giá cả, lợi nhuận.

Câu 8. Đáp án A. Một ưu điểm của cơ chế thị trường là thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất và tăng trưởng kinh tế.

Câu 9. Đáp án A. Cơ chế thị trường phân bổ lại nguồn lực nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu và lợi ích của các chủ thể kinh tế.

Câu 10. Đáp án A. Kích thích tính năng động, sáng tạo của các chủ thể là ưu điểm điển hình của cơ chế thị trường.

Câu 11. Đáp án A. Cơ chế thị trường không chỉ có cạnh tranh lành mạnh mà còn có thể xuất hiện cạnh tranh không lành mạnh, nên phát biểu A là không đúng.

Câu 12. Đáp án A. Cơ chế thị trường được ví như "bàn tay vô hình" điều tiết nền kinh tế.

Câu 13. Đáp án A. Trong phạm vi bài học, các quy luật được nêu gồm cạnh tranh, cung – cầu, giá trị...; "quy luật tiền tệ" không thuộc nhóm được đề cập.

Câu 14. Đáp án B. Người nuôi cá trực tiếp tổ chức sản xuất cá Basa nên là chủ thể sản xuất.

Câu 15. Đáp án B. Cá Basa dùng cho nhu cầu ăn uống của người tiêu dùng nên thuộc thị trường hàng tiêu dùng.

Bài 5. Ngân sách nhà nước

Bảng đáp án

Câu	ĐA	Câu	ĐA	Câu	ĐA	Câu	ĐA
1	**A**	5	**A**	9	**A**	13	**C**
2	**A**	6	**A**	10	**A**	14	**B**
3	**C**	7	**A**	11	**A**		
4	**A**	8	**A**	12	**A**		

Giải chi tiết

Câu 1. Đáp án A. Tạo lập quỹ dự trữ quốc gia để phòng chống thiên tai, dịch bệnh là một vai trò của ngân sách nhà nước.

Câu 2. Đáp án A. Ngân sách nhà nước cung cấp nguồn tài chính để duy trì hoạt động thường xuyên của bộ máy nhà nước.

Câu 3. Đáp án C. Ngân sách nhà nước được hình thành từ nhiều nguồn đóng góp trong xã hội và được sử dụng vì lợi ích chung của quốc gia và nhân dân.
Câu 4. Đáp án A. Cung cấp nguồn tài chính duy trì hoạt động của bộ máy nhà nước là vai trò cơ bản của ngân sách nhà nước.
Câu 5. Đáp án A. Rút tiền công để cá độ là sử dụng nguồn lực ngân sách sai mục đích, vi phạm nghĩa vụ sử dụng các khoản đầu tư/chi từ ngân sách đúng mục đích.
Câu 6. Đáp án A. Thu – chi ngân sách nhà nước mang tính không hoàn trả trực tiếp: người nộp ngân sách không nhận lại đúng khoản đã nộp dưới hình thức hoàn trả trực tiếp.
Câu 7. Đáp án A. Người dân được hưởng lợi từ ngân sách thông qua hàng hóa, dịch vụ công cộng và các chính sách công.
Câu 8. Đáp án A. Ngân sách nhà nước là nguồn lực tài chính quan trọng để duy trì bộ máy nhà nước và thực hiện các chức năng của Nhà nước.
Câu 9. Đáp án A. Định nghĩa ngân sách nhà nước nhấn mạnh các khoản thu, chi được quyết định để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước.
Câu 10. Đáp án A. Ngân sách nhà nước là công cụ quan trọng để Nhà nước điều tiết thị trường, bình ổn giá cả và góp phần kiềm chế lạm phát.
Câu 11. Đáp án A. Đặc điểm đúng là thu – chi ngân sách không hoàn trả trực tiếp, vì vậy phát biểu "hoàn trả trực tiếp" là không đúng.
Câu 12. Đáp án A. Dùng xe công vụ đi việc riêng là sử dụng tài sản, nguồn lực hình thành từ ngân sách sai mục đích.
Câu 13. Đáp án C. Tổng thu ngân sách nhà nước là tổng hợp thu của cả ngân sách trung ương và ngân sách địa phương.
Câu 14. Đáp án B. Nghị quyết về dự toán ngân sách do Quốc hội thông qua có tính pháp lý và là căn cứ để tổ chức thực hiện thu – chi ngân sách.

Bài 6. Thuế

Bảng đáp án

Câu	ĐA	Câu	ĐA	Câu	ĐA	Câu	ĐA
1	**B**	5	**A**	9	**D**	13	**A**
2	**B**	6	**C**	10	**C**	14	**D**
3	**A**	7	**C**	11	**A**	15	**C**
4	**A**	8	**C**	12	**D**		

Giải chi tiết

Câu 1. Đáp án B. Phần diện tích dùng vào trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản gắn với nghĩa vụ thuế sử dụng đất nông nghiệp theo cách đặt câu hỏi của đề.
Câu 2. Đáp án B. Thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của cá nhân/hộ gia đình thuộc đối tượng xem xét nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân theo nội dung bài học.
Câu 3. Đáp án A. Gia đình tổ chức chăn nuôi, trồng trọt và nuôi cá để tạo ra sản phẩm nên là hoạt động sản xuất.
Câu 4. Đáp án A. Thuế là nguồn thu chủ yếu và quan trọng của ngân sách nhà nước.
Câu 5. Đáp án A. Theo logic của đề, việc sử dụng ô tô gắn với nhiên liệu và khí thải gây ô nhiễm nên được liên hệ với thuế bảo vệ môi trường.

Ghi chú theo đề: Cách diễn đạt của đề quy việc "xe ô tô" nộp thuế bảo vệ môi trường; lời giải giữ theo logic nội dung của đề.

Câu 6. Đáp án C. Thuế thu nhập cá nhân là thuế trực thu vì điều tiết trực tiếp vào thu nhập của người nộp thuế.
Câu 7. Đáp án C. Người có thu nhập chịu thuế phải nộp thuế thu nhập cá nhân.
Câu 8. Đáp án C. Thuế trực thu là loại thuế điều tiết trực tiếp vào thu nhập hoặc tài sản của người nộp thuế.
Câu 9. Đáp án D. Nhập khẩu linh kiện từ nước ngoài làm phát sinh nghĩa vụ thuế nhập khẩu theo quy định.
Câu 10. Đáp án C. Đánh thuế suất cao vào một số hàng hóa, dịch vụ đặc biệt nhằm điều tiết sản xuất và tiêu dùng là đặc trưng của thuế tiêu thụ đặc biệt.
Câu 11. Đáp án A. Thuế thu nhập cá nhân là một loại thuế phổ biến trong hệ thống thuế Việt Nam.

Câu 12. Đáp án D. Đẩy mạnh đầu cơ tích trữ không phải vai trò của thuế; trái lại, chính sách thuế hướng tới điều tiết kinh tế và hạn chế các hành vi gây bất ổn.
Câu 13. Đáp án A. Theo ý của đề, loại thuế đặc biệt được dùng để điều tiết việc sản xuất và tiêu dùng các hàng hóa, dịch vụ đặc biệt.

Ghi chú theo đề: Đề ghi "thuế thu nhập đặc biệt"; căn cứ nội dung câu hỏi, đề đang hướng tới vai trò của thuế tiêu thụ đặc biệt. Lời giải không sửa câu gốc nhưng chốt đáp án A theo ý hỏi.

Câu 14. Đáp án D. Thuế gián thu được điều tiết gián tiếp thông qua giá cả hàng hóa, dịch vụ.
Câu 15. Đáp án C. Khoản thuế tính trên thu nhập sau miễn, giảm và giảm trừ gia cảnh là thuế thu nhập cá nhân.

Bài 7. Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh

Bảng đáp án

Câu	ĐA	Câu	ĐA	Câu	ĐA	Câu	ĐA
1	**D**	5	**A**	9	**A**	13	**A**
2	**A**	6	**A**	10	**C**	14	**C**
3	**A**	7	**B**	11	**A**	15	**A**
4	**A**	8	**C**	12	**A**		

Giải chi tiết

Câu 1. Đáp án D. Liên hiệp hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể do ít nhất bốn hợp tác xã tự nguyện thành lập để hợp tác, tương trợ trong sản xuất, kinh doanh.
Câu 2. Đáp án A. Doanh nghiệp là tổ chức kinh tế có tên riêng, tài sản, trụ sở giao dịch và đăng ký kinh doanh theo pháp luật nhằm thực hiện hoạt động kinh doanh.
Câu 3. Đáp án A. Các đặc điểm cốt lõi của thành viên hợp danh là cùng liên đới chịu trách nhiệm, có quyền quản lý và nhân danh công ty; phương án A không phải đặc điểm pháp lý điển hình.
Câu 4. Đáp án A. Công dân từ đủ 18 tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ mới có thể tự mình đăng ký kinh doanh theo nội dung bài học.
Câu 5. Đáp án A. Doanh nghiệp tư nhân do một cá nhân làm chủ, tức chỉ có một chủ sở hữu duy nhất.
Câu 6. Đáp án A. Với hoàn cảnh của anh L, lựa chọn mô hình kinh doanh phù hợp ở quê có thể tận dụng nguồn lực địa phương, giảm chi phí sinh hoạt và tạo cơ hội tự chủ.
Câu 7. Đáp án B. Kinh doanh là quá trình thực hiện một hoặc nhiều công đoạn nhằm mục đích thu lợi nhuận.
Câu 8. Đáp án C. Mô hình do cá nhân, nhóm người hoặc hộ gia đình tổ chức, tự chủ quản lý và tiêu thụ sản phẩm là hộ sản xuất kinh doanh.
Câu 9. Đáp án A. Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên không được phát hành cổ phần để huy động vốn.
Câu 10. Đáp án C. Có cơ cấu tổ chức, nhân sự, trụ sở, tài sản và tư cách pháp nhân là biểu hiện của tính tổ chức của doanh nghiệp.
Câu 11. Đáp án A. Doanh nghiệp có trên 50 cổ đông và tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị là công ty cổ phần.
Câu 12. Đáp án A. Thành viên góp vốn trong công ty hợp danh không trực tiếp quản lý, điều hành công ty như thành viên hợp danh.
Câu 13. Đáp án A. Gia đình chị T trực tiếp tổ chức sản xuất nông nghiệp, dịch vụ máy gặt và tạo sản phẩm nên là chủ thể sản xuất.
Câu 14. Đáp án C. Mô hình được tổ chức bởi gia đình, dựa trên nguồn lực của hộ và tự chủ sản xuất, kinh doanh nên là hộ sản xuất kinh doanh.
Câu 15. Đáp án A. Trong mô hình hộ sản xuất kinh doanh, gia đình/hộ kinh doanh chịu trách nhiệm đối với hoạt động của mô hình.

Bài 8. Tín dụng

Bảng đáp án

Câu	ĐA	Câu	ĐA	Câu	ĐA	Câu	ĐA
1	**D**	5	**A**	9	**C**	13	**B**
2	**B**	6	**A**	10	**A**	14	**B**

3	**A**	7	**A**	11	**B**	15	**A**
4	**A**	8	**A**	12	**A**		

Giải chi tiết

Câu 1. Đáp án D. Các đặc điểm cơ bản của tín dụng trong bài là dựa trên sự tin tưởng, có tính tạm thời và hoàn trả cả gốc lẫn lãi; "dựa trên văn bản pháp lí" không phải đặc điểm bản chất được nêu.

Câu 2. Đáp án B. Tín dụng giúp tập trung và luân chuyển vốn, góp phần tăng lượng vốn đầu tư và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

Câu 3. Đáp án A. Ngân hàng huy động các khoản tiền tạm thời nhàn rỗi của cá nhân, doanh nghiệp và tổ chức trong xã hội.

Câu 4. Đáp án A. Người vay có nghĩa vụ hoàn trả vốn gốc và lãi đúng thời hạn theo thỏa thuận.

Câu 5. Đáp án A. Người cho vay chỉ cấp tín dụng khi tin rằng người vay sử dụng vốn đúng mục đích, hiệu quả và có khả năng hoàn trả đúng hạn.

Câu 6. Đáp án A. Nội dung nhấn mạnh yếu tố lòng tin giữa người cho vay và người vay, tức đặc điểm tín dụng dựa trên sự tin tưởng.

Câu 7. Đáp án A. Từ chối cho vay khi biết người vay dùng tiền để đánh bạc là nhận thức đúng vì mục đích vay rủi ro, không bảo đảm khả năng sử dụng vốn hiệu quả và hoàn trả.

Câu 8. Đáp án A. Chính sách tín dụng đối với học sinh, sinh viên nhằm hỗ trợ vay vốn học tập với lãi suất ưu đãi/thấp.

Câu 9. Đáp án C. Ngân hàng xem xét năng lực tài chính và tài sản của ông P trước khi cho vay, thể hiện tín dụng dựa trên sự tin tưởng vào khả năng hoàn trả.

Câu 10. Đáp án A. Tín dụng không phải là chuyển giao tài sản cho bên vay "trong mọi điều kiện"; việc cấp tín dụng phụ thuộc điều kiện, mục đích và khả năng hoàn trả.

Câu 11. Đáp án B. Quan hệ tín dụng vận hành theo nguyên tắc hoàn trả có kỳ hạn cả vốn gốc và lãi.

Câu 12. Đáp án A. Ngân hàng là tổ chức tập trung vốn nhàn rỗi và cung cấp vốn cho người có nhu cầu vay để sản xuất, kinh doanh hoặc tiêu dùng.

Câu 13. Đáp án B. Nhường quyền sử dụng một lượng vốn trong thời hạn nhất định thể hiện tính tạm thời của tín dụng.

Câu 14. Đáp án B. Ông D vay tiền để mua nhà, tức mua bất động sản.

Câu 15. Đáp án A. Ngân hàng cung cấp 60% số tiền còn thiếu nên đóng vai trò bên cho vay.

Bài 9. Dịch vụ tín dụng

Bảng đáp án

Câu	ĐA	Câu	ĐA	Câu	ĐA	Câu	ĐA
1	**A**	5	**A**	9	**A**	13	**A**
2	**A**	6	**D**	10	**A**	14	**B**
3	**A**	7	**A**	11	**A**		
4	**A**	8	**C**	12	**A**		

Giải chi tiết

Câu 1. Đáp án A. Mua trả góp khác thanh toán một lần ở chỗ người mua trả dần theo kỳ và thường phải trả thêm khoản lãi/chi phí tín dụng.

Câu 2. Đáp án A. Vay tín chấp dựa nhiều vào uy tín và khả năng trả nợ, nên người vay phải cung cấp trung thực, chính xác thông tin cá nhân và thu nhập.

Câu 3. Đáp án A. Tín dụng tiêu dùng thường có giá trị khoản vay nhỏ hơn tín dụng sản xuất – kinh doanh và lãi suất thường cao hơn.

Câu 4. Đáp án A. Thế chấp ô tô và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền sửa nhà là sử dụng tín dụng ngân hàng có tài sản bảo đảm.

Câu 5. Đáp án A. Quan hệ giữa tổ chức tín dụng và người tiêu dùng nhằm đáp ứng nhu cầu mua sắm, tiêu dùng được gọi là tín dụng tiêu dùng.

Câu 6. Đáp án D. Tín dụng ngân hàng dựa trên lòng tin khách hàng có khả năng hoàn trả cả gốc và lãi khi đến hạn.

Câu 7. Đáp án A. Vay thế chấp yêu cầu người vay cung cấp trung thực, chính xác giấy tờ hợp pháp về tài sản bảo đảm.

Câu 8. Đáp án C. Cho vay tín chấp dựa trên uy tín và khả năng trả nợ của người vay, không cần tài sản bảo đảm.

Câu 9. Đáp án A. Nguồn trả nợ phải là thu nhập của người vay, không phải của người cho vay; vì vậy A là phương án không đúng.

Câu 10. Đáp án A. Bảo lãnh tín dụng không được xếp vào nhóm hình thức tín dụng tiêu dùng theo các phương án của bài; bán chịu trả góp, thẻ tín dụng và cho vay trả góp đều là hình thức tín dụng tiêu dùng.

Câu 11. Đáp án A. Công ty P bán chịu cá giống và ông L trả cả vốn, lãi theo thỏa thuận; đây là tín dụng thương mại giữa các chủ thể kinh doanh.

Câu 12. Đáp án A. Khi người vay không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, bên nhận bảo đảm có quyền xử lý tài sản cầm cố theo cơ chế xử lý tài sản bảo đảm.

Câu 13. Đáp án A. Theo các phương án của đề, việc dùng tài sản bảo đảm cho khoản vay được xếp vào hình thức vay thế chấp.

Ghi chú theo đề: Tư liệu dùng từ "cầm cố" nhưng phương án trả lời dùng "vay thế chấp". Lời giải giữ nguyên cách hỏi của đề và chọn A theo nhóm đáp án được cung cấp.

Câu 14. Đáp án B. Không trả nợ đúng thỏa thuận là không thực hiện nghĩa vụ của người vay trong hợp đồng tín dụng.

PHẦN II. CÂU HỎI ĐÚNG – SAI

Câu	a	b	c	d
1	**Đúng**	**Đúng**	**Sai**	**Đúng**
2	**Đúng**	**Sai**	**Đúng**	**Đúng**
3	**Sai**	**Đúng**	**Đúng**	**Đúng**
4	**Đúng**	**Đúng**	**Đúng**	**Đúng**
5	**Sai**	**Đúng**	**Sai**	**Sai**
6	**Đúng**	**Đúng**	**Đúng**	**Đúng**
7	**Đúng**	**Đúng**	**Sai**	**Sai**
8	**Đúng**	**Sai**	**Đúng**	**Sai**
9	**Đúng**	**Đúng**	**Đúng**	**Đúng**

Câu 1

a) **Đúng.** Sản xuất sản phẩm âm nhạc tạo ra sản phẩm tinh thần phục vụ nhu cầu xã hội nên vẫn là hoạt động sản xuất.

b) **Đúng.** Tạo ra sản phẩm có giá trị nghệ thuật và nhân văn thể hiện trách nhiệm xã hội của chủ thể kinh tế.

c) **Sai.** Thưởng thức âm nhạc là việc sử dụng một sản phẩm/dịch vụ để thỏa mãn nhu cầu tinh thần, nên là hoạt động tiêu dùng.

d) **Đúng.** Đưa sản phẩm âm nhạc từ nhà sản xuất qua nền tảng số đến công chúng là khâu phân phối – trao đổi.

Câu 2

a) **Đúng.** Doanh nghiệp X trực tiếp sản xuất nông sản và đồng thời tổ chức mạng lưới điểm bán, chuỗi cung ứng để đưa sản phẩm đến người tiêu dùng.

b) **Sai.** Thông tin chỉ nêu Nhà nước hỗ trợ lãi suất qua chương trình OCOP, không nêu Nhà nước bao tiêu hàng hóa cho doanh nghiệp.

c) **Đúng.** Chuỗi cung ứng và các điểm bán thực hiện chức năng kết nối giữa sản xuất với tiêu dùng, mang tính trung gian.

d) **Đúng.** Sản xuất nông sản hữu cơ, nâng chất lượng và đáp ứng xu hướng tiêu dùng an toàn thể hiện trách nhiệm xã hội của chủ thể kinh tế.

Câu 3

a) **Sai.** Công ty A trực tiếp sản xuất dầu gội nên trước hết là chủ thể sản xuất, không phải chủ thể trung gian.

b) **Đúng.** Công ty nắm bắt nhu cầu về dầu gội tự nhiên trên thị trường rồi đưa sản phẩm phù hợp ra bán, tức sử dụng chức năng thông tin của thị trường.

c) Đúng. Khi sản phẩm được đón nhận, công ty mở rộng quy mô và bổ sung dòng sản phẩm mới, thể hiện chức năng điều tiết sản xuất kinh doanh.

d) Đúng. Sản phẩm được người tiêu dùng chấp nhận và đánh giá cao cho thấy thị trường đã thừa nhận giá trị và tính phù hợp của sản phẩm.

Câu 4

a) Đúng. Hồ tiêu là mặt hàng xuất khẩu nên giá và cơ cấu sản xuất trong nước chịu ảnh hưởng đáng kể từ cung – cầu và cạnh tranh trên thị trường thế giới.

b) Đúng. Nông dân thay đổi cây trồng theo biến động giá là biểu hiện sự điều tiết nguồn lực sản xuất thông qua giá cả thị trường.

c) Đúng. Dự báo và khuyến cáo giúp hạn chế tình trạng chuyển đổi ồ ạt, giảm rủi ro cung vượt cầu và thiệt hại cho người sản xuất.

d) Đúng. Chuyển đổi quá thường xuyên có thể làm mất chi phí đầu tư trước đó, lãng phí đất đai, cây giống, vốn và công sức.

Câu 5

a) Sai. Các chính sách trong tư liệu tập trung vào giảm nghèo, y tế, giáo dục và tín dụng ưu đãi, chủ yếu thể hiện vai trò điều tiết thu nhập và bảo đảm an sinh xã hội, không phải trọng tâm là định hướng phát triển vùng kinh tế.

b) Đúng. Hỗ trợ khám chữa bệnh và bảo hiểm cho người nghèo, cận nghèo là hình thức phân phối lại nguồn lực, góp phần điều tiết thu nhập và bảo đảm công bằng xã hội.

c) Sai. Thu – chi ngân sách nhà nước theo nguyên tắc không hoàn trả trực tiếp, nên người thụ hưởng chính sách không phải là người được hoàn lại đúng khoản mình đã nộp.

d) Sai. Chính sách giảm nghèo hướng tới các nhóm đủ điều kiện như người nghèo, cận nghèo, học sinh nghèo..., không phải mọi công dân đều được hỗ trợ như nhau.

Câu 6

a) Đúng. Doanh nghiệp khai thác khoáng sản phải thực hiện nghĩa vụ tài chính liên quan đến bảo vệ môi trường theo nội dung tình huống.

b) Đúng. Doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu khoáng sản nên phát sinh nghĩa vụ thuế xuất khẩu theo cách đặt vấn đề của đề.

c) Đúng. Doanh nghiệp vừa bán trong nước vừa xuất khẩu sang nước ngoài nên thị trường gồm cả thị trường trong nước và quốc tế.

d) Đúng. Nguồn vốn hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa của Nhà nước là một hình thức Nhà nước sử dụng nguồn lực công để hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh.

Câu 7

a) Đúng. Anh A là một chủ sở hữu và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về hoạt động doanh nghiệp, phù hợp đặc điểm doanh nghiệp tư nhân.

b) Đúng. Tạo việc làm, cung ứng sản phẩm và đóng góp tăng trưởng địa phương là những vai trò của sản xuất, kinh doanh đối với kinh tế – xã hội.

c) Sai. Công ty DH trực tiếp sản xuất bánh kẹo và nguyên vật liệu; hoạt động bán sản phẩm của mình không làm công ty trở thành chủ thể trung gian theo nghĩa của bài.

d) Sai. Theo đặc trưng mô hình doanh nghiệp tư nhân trong bài học, doanh nghiệp tư nhân không phát hành chứng khoán để huy động vốn.

Câu 8

a) Đúng. Nguồn tín dụng ưu đãi giúp học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn tiếp tục học tập, thể hiện vai trò của tín dụng trong hỗ trợ nhu cầu chính đáng và phát triển con người.

b) Sai. Khoản vay vẫn là quan hệ tín dụng nên người vay phải hoàn trả vốn gốc và lãi theo điều kiện ưu đãi.

c) Đúng. Chính sách tín dụng ưu đãi của Chính phủ thể hiện việc Nhà nước sử dụng nguồn lực và chính sách tài chính để hỗ trợ an sinh, giáo dục.

d) Sai. Giữa ngân hàng và sinh viên vẫn tồn tại quan hệ vay – cho vay có nghĩa vụ hoàn trả, nên đó là quan hệ tín dụng.

Câu 9

a) Đúng. Ngân hàng cho vay dựa vào nghề nghiệp, thu nhập ổn định và không yêu cầu tài sản bảo đảm, đây là vay tín chấp.

b) Đúng. Vay tiền để mua nhà phục vụ nhu cầu của gia đình thuộc mục đích tiêu dùng, nên là tín dụng tiêu dùng.

c) Đúng. Nếu không vay được ngân hàng, việc tìm hiểu khoản vay trả góp hợp pháp của công ty tài chính là một lựa chọn dịch vụ tín dụng tiêu dùng phù hợp nếu bảo đảm khả năng trả nợ.

d) Đúng. Khi đã có tài sản hợp pháp và giấy tờ sở hữu phù hợp, người vay có thể dùng tài sản đó làm bảo đảm để tiếp cận hình thức vay có tài sản bảo đảm, nếu đáp ứng điều kiện của tổ chức tín dụng.

PHẦN III. TỰ LUẬN

Câu 1. Hoạt động sản xuất là gì? Phân tích vai trò của hoạt động sản xuất đối với đời sống cá nhân và xã hội.

- Khái niệm: Hoạt động sản xuất là hoạt động con người sử dụng các yếu tố sản xuất như sức lao động, tư liệu sản xuất, tài nguyên, vốn... để tạo ra sản phẩm vật chất hoặc tinh thần nhằm đáp ứng nhu cầu của đời sống xã hội.
- Đối với cá nhân: sản xuất tạo ra việc làm và thu nhập, giúp con người có điều kiện đáp ứng các nhu cầu vật chất, tinh thần và phát triển năng lực lao động.
- Đối với xã hội: sản xuất tạo ra hàng hóa, dịch vụ, của cải xã hội; là cơ sở cho phân phối – trao đổi và tiêu dùng; thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tiến bộ khoa học – công nghệ và nâng cao đời sống dân cư.
- Vai trò nền tảng: nếu không có sản xuất thì không có sản phẩm để phân phối, trao đổi và tiêu dùng; vì vậy sản xuất là hoạt động cơ bản, quyết định trong đời sống kinh tế.

Câu 2. Khái niệm chủ thể tiêu dùng. Là một người tiêu dùng thông minh và có trách nhiệm, em hãy nêu những điều cần chú ý khi sử dụng hàng hóa và dịch vụ cho tiêu dùng cá nhân và gia đình.

- Chủ thể tiêu dùng là cá nhân, hộ gia đình hoặc tổ chức mua và sử dụng hàng hóa, dịch vụ để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, học tập, làm việc và đời sống.
- Người tiêu dùng thông minh cần xác định đúng nhu cầu và khả năng tài chính; tránh mua sắm chạy theo quảng cáo hoặc vượt quá khả năng chi trả.
- Cần tìm hiểu thông tin về chất lượng, nguồn gốc, giá cả, hạn sử dụng, điều kiện bảo hành; so sánh các lựa chọn trước khi quyết định mua.
- Ưu tiên hàng hóa, dịch vụ an toàn, có nguồn gốc rõ ràng, thân thiện môi trường; sử dụng tiết kiệm, đúng công dụng và tránh lãng phí.
- Giữ hóa đơn, chứng từ khi cần; tôn trọng quyền lợi của người khác và thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán, hợp đồng.
- Khi quyền lợi bị xâm phạm, cần phản ánh với người bán hoặc cơ quan có thẩm quyền bằng cách phù hợp, không sử dụng hàng giả, hàng cấm hoặc tiếp tay cho hành vi vi phạm pháp luật.

Câu 3. Khái niệm thị trường. Phân tích các chức năng cơ bản của thị trường. Cho ví dụ minh họa.

- Khái niệm: Theo nghĩa hẹp, thị trường là nơi diễn ra hoạt động trao đổi, mua bán hàng hóa. Theo nghĩa rộng, thị trường là tổng hòa các quan hệ trao đổi, mua bán giữa các chủ thể trong nền kinh tế.
- Chức năng thừa nhận: thị trường chấp nhận hay không chấp nhận giá trị sử dụng và giá trị của hàng hóa thông qua hành vi mua của người tiêu dùng. Ví dụ: một loại dầu gội mới được khách hàng đón nhận cho thấy sản phẩm được thị trường thừa nhận.
- Chức năng thông tin: giá cả, lượng cung, lượng cầu, thị hiếu... cung cấp thông tin cho người sản xuất và người tiêu dùng. Ví dụ: giá khẩu trang tăng khi cầu tăng báo hiệu hàng hóa đang khan hiếm.
- Chức năng điều tiết, kích thích hoặc hạn chế: sự biến động của giá cả và lợi nhuận làm nguồn lực dịch chuyển giữa các ngành, thúc đẩy mở rộng hoặc thu hẹp sản xuất. Ví dụ: nhu cầu hoa tăng dịp 8/3 khiến thương lái nhập nhiều hoa hơn.
- Các chức năng có quan hệ chặt chẽ: thông tin thị trường là cơ sở để chủ thể điều chỉnh sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng.

Câu 4. Cơ chế thị trường là gì? Cho ví dụ từ đó làm rõ ưu điểm và nhược điểm của cơ chế thị trường.

- Khái niệm: Cơ chế thị trường là hệ thống các quan hệ kinh tế mang tính tự điều chỉnh theo các quy luật kinh tế như cạnh tranh, cung – cầu, giá cả, lợi nhuận..., chi phối hoạt động của các chủ thể và đóng vai trò như "bàn tay vô hình" điều tiết nền kinh tế.

- Ví dụ: Khi giá cá Basa tăng do nguồn cung giảm, người tiêu dùng chuyển sang sản phẩm khác; người nuôi thấy lợi nhuận cao có thể tăng sản xuất. Khi cung tăng và cầu giảm, giá giảm, người nuôi lại cân nhắc chuyển vốn sang sản phẩm khác.
- Ưu điểm: kích thích tính năng động, sáng tạo; thúc đẩy lực lượng sản xuất và tăng trưởng; khuyến khích cạnh tranh; phân bổ nguồn lực theo tín hiệu giá; đáp ứng tốt hơn nhu cầu và lợi ích của các chủ thể.
- Nhược điểm: có thể phát sinh cạnh tranh không lành mạnh, gian lận, đầu cơ; tiềm ẩn khủng hoảng, suy thoái; gây phân hóa thu nhập; có thể dẫn tới ô nhiễm môi trường hoặc bỏ qua lợi ích xã hội nếu chỉ chạy theo lợi nhuận.
- Vì vậy cần phát huy mặt tích cực của cơ chế thị trường đồng thời có sự quản lí của Nhà nước để khắc phục hạn chế.

Câu 5. Khái niệm giá cả thị trường. Trình bày các chức năng cơ bản của giá cả thị trường.

- Giá cả thị trường là giá bán thực tế của hàng hóa, dịch vụ được hình thành trên thị trường tại một thời điểm, chịu tác động của giá trị hàng hóa, cung – cầu, cạnh tranh và nhiều yếu tố khác.
- Chức năng thông tin: giá cả phản ánh mức độ khan hiếm tương đối, quan hệ cung – cầu và tín hiệu về biến động thị trường cho người mua, người bán.
- Chức năng phân bổ nguồn lực: giá và lợi nhuận cao có xu hướng thu hút vốn, lao động vào ngành đó; giá giảm, lợi nhuận thấp có thể làm nguồn lực chuyển sang ngành khác.
- Chức năng điều tiết sản xuất và tiêu dùng: giá tăng có thể kích thích sản xuất nhưng hạn chế tiêu dùng; giá giảm có thể khuyến khích tiêu dùng và buộc người sản xuất điều chỉnh quy mô.
- Ví dụ: giá hồ tiêu tăng khiến nông dân mở rộng trồng tiêu; khi giá giảm, một số hộ chuyển sang cây trồng khác.

Câu 6. Khái niệm ngân sách nhà nước. Phân tích vai trò của ngân sách nhà nước.

- Ngân sách nhà nước là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước.
- Cung cấp nguồn tài chính để duy trì hoạt động của bộ máy nhà nước và thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, quản lí xã hội.
- Là công cụ điều tiết nền kinh tế: đầu tư phát triển, hỗ trợ sản xuất – kinh doanh, bình ổn thị trường, kiềm chế lạm phát và xử lí các biến động lớn.
- Thực hiện điều tiết thu nhập, bảo đảm an sinh xã hội thông qua các chương trình y tế, giáo dục, giảm nghèo, bảo hiểm, trợ giúp xã hội.
- Tạo lập quỹ dự trữ để ứng phó thiên tai, dịch bệnh và các tình huống khẩn cấp.
- Góp phần định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực và địa bàn ưu tiên thông qua chính sách chi ngân sách.

Câu 7. Thuế là gì? Thuế có vai trò như thế nào trong đời sống kinh tế - xã hội.

- Thuế là khoản nộp bắt buộc mà tổ chức, cá nhân phải thực hiện đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật.
- Thuế là nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước, tạo nguồn lực để Nhà nước cung cấp dịch vụ công, đầu tư cơ sở hạ tầng và thực hiện nhiệm vụ quản lí.
- Thuế là công cụ điều tiết kinh tế vĩ mô: khuyến khích hoặc hạn chế sản xuất, tiêu dùng một số hàng hóa, dịch vụ; góp phần bình ổn thị trường.
- Thuế góp phần điều tiết thu nhập và thực hiện công bằng xã hội thông qua các sắc thuế trực thu và chính sách thuế phù hợp.
- Thuế còn định hướng hành vi xã hội, ví dụ thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế bảo vệ môi trường có thể hạn chế tiêu dùng, sản xuất những sản phẩm gây tác động không mong muốn.

Câu 8. Sản xuất kinh doanh là gì? Trình bày đặc điểm của mô hình kinh tế hộ gia đình.

- Sản xuất kinh doanh là quá trình thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả các công đoạn từ đầu tư, sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm thu lợi nhuận.
- Hộ sản xuất kinh doanh do một cá nhân, một nhóm người hoặc hộ gia đình làm chủ và tổ chức hoạt động.
- Quy mô thường nhỏ hoặc vừa, vốn và lao động chủ yếu dựa vào nguồn lực của gia đình; bộ máy quản lí gọn nhẹ.

- Chủ hộ có tính tự chủ cao trong tổ chức sản xuất, quản lí và tiêu thụ sản phẩm, đồng thời chịu trách nhiệm về hoạt động của hộ.
- Mô hình linh hoạt, dễ thích ứng với điều kiện địa phương và phù hợp nhiều ngành nghề truyền thống, nông nghiệp, dịch vụ nhỏ lẻ.
- Hạn chế thường gặp là vốn ít, khả năng tiếp cận công nghệ và thị trường còn hạn chế, sức cạnh tranh không cao nếu không liên kết và đổi mới.

Câu 9. Đặc điểm của mô hình doanh nghiệp.

- Doanh nghiệp là tổ chức kinh tế có tên riêng, tài sản, trụ sở giao dịch và đăng ký kinh doanh theo quy định pháp luật để thực hiện hoạt động kinh doanh.
- Tính tổ chức: có cơ cấu điều hành, nhân sự, tài sản và trụ sở; phần lớn loại hình có tư cách pháp nhân, trừ doanh nghiệp tư nhân theo cách phân loại của bài học.
- Tính hợp pháp: được thành lập, đăng ký và hoạt động theo quy định pháp luật.
- Tính kinh doanh: thực hiện một hoặc nhiều công đoạn của quá trình đầu tư – sản xuất – tiêu thụ/cung ứng dịch vụ nhằm mục tiêu lợi nhuận.
- Có nhiều loại hình với chế độ sở hữu và trách nhiệm khác nhau như doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh.
- Mỗi loại hình có cách huy động vốn, tổ chức quản lí và phạm vi chịu trách nhiệm khác nhau.

Câu 10. Khái niệm tín dụng. Vai trò của tín dụng trong đời sống kinh tế - xã hội.

- Tín dụng là quan hệ kinh tế giữa chủ thể sở hữu vốn nhàn rỗi (người cho vay) và chủ thể có nhu cầu sử dụng vốn (người vay), theo nguyên tắc hoàn trả có kỳ hạn cả vốn gốc và lãi.
- Tín dụng dựa trên sự tin tưởng, có tính tạm thời và có nghĩa vụ hoàn trả.
- Vai trò đối với sản xuất, kinh doanh: bổ sung vốn, tạo điều kiện mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ, nâng hiệu quả đầu tư.
- Vai trò đối với tiêu dùng: giúp cá nhân, hộ gia đình đáp ứng nhu cầu chính đáng như học tập, nhà ở, phương tiện, tiêu dùng trước khi tích lũy đủ tiền.
- Vai trò đối với nền kinh tế: tập trung và luân chuyển vốn nhàn rỗi, thúc đẩy lưu thông tiền tệ và hàng hóa, hỗ trợ tăng trưởng.
- Nếu sử dụng không hợp lí, tín dụng có thể làm người vay mất khả năng trả nợ, vì vậy cần cân nhắc nhu cầu, lãi suất, thời hạn và khả năng tài chính.

Câu 11. Tín dụng ngân hàng là gì? Các hình thức của dịch vụ tín dụng ngân hàng?

- Tín dụng ngân hàng là quan hệ tín dụng trong đó ngân hàng/tổ chức tín dụng chuyển quyền sử dụng một lượng vốn cho khách hàng trong thời hạn nhất định trên cơ sở tin tưởng khách hàng có khả năng hoàn trả cả gốc và lãi khi đến hạn.
- Vay tín chấp: dựa vào uy tín, thu nhập và khả năng trả nợ của người vay, không yêu cầu tài sản bảo đảm.
- Vay thế chấp/có tài sản bảo đảm: người vay dùng tài sản hợp pháp làm bảo đảm cho khoản vay và phải cung cấp giấy tờ chính xác về tài sản.
- Cho vay trả góp: người vay trả nợ gốc và lãi theo nhiều kỳ trong thời gian thỏa thuận.
- Thẻ tín dụng và các hình thức cấp hạn mức tín dụng khác cho phép khách hàng chi tiêu trong hạn mức và hoàn trả theo điều kiện của tổ chức tín dụng.
- Khi sử dụng, người vay cần đọc kỹ hợp đồng, lãi suất, phí, thời hạn, nghĩa vụ trả nợ và chỉ vay trong khả năng tài chính.

Câu 12. Khái niệm tín dụng nhà nước. Đặc điểm của tín dụng nhà nước?

- Tín dụng nhà nước là quan hệ tín dụng trong đó Nhà nước tham gia với tư cách người vay hoặc người cho vay để thực hiện các mục tiêu kinh tế – xã hội.
- Khi Nhà nước vay: có thể huy động vốn từ tổ chức, cá nhân thông qua các công cụ vay nợ của Nhà nước để bổ sung nguồn lực tài chính cho các nhiệm vụ công.
- Khi Nhà nước cho vay/hỗ trợ tín dụng: vốn được hướng vào các chương trình, đối tượng hoặc lĩnh vực ưu tiên như học sinh, sinh viên khó khăn, hộ nghèo, sản xuất – kinh doanh cần hỗ trợ.
- Tín dụng nhà nước thường gắn với mục tiêu chính sách, không chỉ nhằm lợi nhuận; điều kiện vay có thể ưu đãi hơn so với tín dụng thương mại thông thường.
- Quan hệ tín dụng vẫn có tính tạm thời và hoàn trả theo điều kiện đã quy định; người vay phải sử dụng vốn đúng mục đích và thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

— HẾT —